

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

Trang 1

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Thị	Nhân	LNH006863	2	27.00	3.5	30.50
2	Bùi Thị	Huệ	LNH003858	2	26.25	3.5	29.75
3	Bùi Thị	Ngân	LNH006492	2	26.25	3.5	29.75
4	Quàng Thị	Thanh	TTB005699	1	26.25	3.5	29.75
5	Đỗ Thị	Dung	DCN001673	2	26.00	3.5	29.50
6	Phạm Bá	Đạt	HDT005374	2	26.00	3.5	29.50
7	Trịnh Thị	Phượng	HDT020280	2	26.00	3.5	29.50
8	Triệu Linh	Đan	TND004771	1	26.00	3.5	29.50
9	Phạm Thị	Nga	HDT017497	2	25.75	3.5	29.25
10	Ma Nhân Hoàng	Anh	TQU000098	2	25.75	3.5	29.25
11	Lường Văn	Đông	TTB001526	2	25.75	3.5	29.25
12	Tòng Thùy	Linh	TTB003584	2	25.50	3.5	29.00
13	Đàm Thị	Thiệp	TND023907	2	25.50	3.5	29.00
14	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005915	2	25.50	3.5	29.00
15	Quách Thương	Hiệp	LNH003262	2	26.50	2.5	29.00
16	Hà Thị Hương	Thảo	KQH012547	2	25.50	3.5	29.00
17	Nguyễn Hùng	Sơn	LNH007960	2	25.50	3.5	29.00
18	Bùi Thị	Nương	HDT019148	2	25.50	3.5	29.00
19	Hà Thị	Chang	TND002060	2	25.50	3.5	29.00
20	Hà Thị Hương	Nhi	THV009805	1	25.50	3.5	29.00
21	Bàn Thị	Vân	TND029017	1	25.50	3.5	29.00
22	Chu Thị	Oanh	TND019256	1	25.50	3.5	29.00
23	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	2	25.25	3.5	28.75
24	Nguyễn Thị	Nhung	LNH006991	2	25.25	3.5	28.75
25	Nguyễn Phương	Hoa	THV004749	2	27.25	1.5	28.75
26	Bùi Kim	Ngân	LNH006487	2	25.25	3.5	28.75
27	Quan Thị	Nga	DCN007886	2	25.25	3.5	28.75
28	Trần Thị	Hằng	TDV009422	2	27.25	1.5	28.75
29	Ma Thị Thu	Uyên	KQH015950	2	25.25	3.5	28.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Hoàng Thị Vân	Thư	TND025171	1	25.25	3.5	28.75
31	Nguyễn Ngọc	Chí	TND002333	2	25.00	3.5	28.50
32	Dương Thị	Thư	TTB006434	2	27.00	1.5	28.50
33	Lò Thị	Diện	TTB001037	2	25.00	3.5	28.50
34	Võ Thị	Huyền	TDV013985	2	27.00	1.5	28.50
35	Nguyễn Đàm Mai	Hương	TND011845	2	25.00	3.5	28.50
36	Đặng Hồng	Minh	THV008679	2	25.00	3.5	28.50
37	Nguyễn Thị Hiền	Châu	THV001226	2	27.00	1.5	28.50
38	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	2	27.00	1.5	28.50
39	Nguyễn Thị Thu	Huệ	TQU002239	2	25.00	3.5	28.50
40	Đinh Thị Bích	Đoan	TND005248	2	25.00	3.5	28.50
41	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001102	2	28.00	0.5	28.50
42	Vừ A	Tủa	TTB007052	1	25.00	3.5	28.50
43	Bùi Thị	Giang	DCN002642	1	25.00	3.5	28.50
44	Huỳnh Thị Kim	Thúy	THV013125	2	26.75	1.5	28.25
45	Quách Thanh	Thủy	LNH009237	2	24.75	3.5	28.25
46	Lê Thị	Thế	TND023694	2	24.75	3.5	28.25
47	Nông Thị	Phương	KQH010977	2	24.75	3.5	28.25
48	Hoàng Thị Ngọc	Anh	THV000202	2	24.75	3.5	28.25
49	Lưu Thị	Mai	SPH010983	2	27.25	1.0	28.25
50	Nông Thu	Trang	DCN011942	2	24.75	3.5	28.25
51	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	TND006904	1	24.75	3.5	28.25
52	Nguyễn Thị	Linh	DCN006410	1	24.75	3.5	28.25
53	Trịnh Thị Kim	Anh	KHA000716	1	26.25	2.0	28.25
54	Hoàng Thị Thu	Hương	TND011773	1	24.75	3.5	28.25
55	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	3	26.50	1.5	28.00
56	Nguyễn Thị	Tâm	DCN009847	2	24.50	3.5	28.00
57	Hoàng Lệ Khánh	Linh	THV007389	2	24.50	3.5	28.00
58	Lê Thị Thúy	Huệ	TQU002229	2	26.50	1.5	28.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	2	26.50	1.5	28.00
60	Đinh Phương	Thảo	TTB005848	2	26.50	1.5	28.00
61	Hoàng Châu	Bình	TQU000365	2	26.50	1.5	28.00
62	Đoàn Thị Thùy	Linh	TND014118	2	26.50	1.5	28.00
63	Bùi Thị Như	ý	DHU027524	2	27.50	0.5	28.00
64	Nguyễn Thị Thùy	Dương	TTB001363	2	26.50	1.5	28.00
65	Nguyễn Thu	Hà	TQU001432	2	24.50	3.5	28.00
66	Trịnh Thị	Linh	TTB003597	2	26.50	1.5	28.00
67	Ma Thị Tuyết	Nhung	DCN008405	2	24.50	3.5	28.00
68	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	2	26.50	1.5	28.00
69	Hoàng Thị Trà	My	TND016796	2	24.50	3.5	28.00
70	Bùi Thị	Phương	LNH007269	2	24.50	3.5	28.00
71	Hoàng Thị	Phương	TQU004408	2	24.50	3.5	28.00
72	Lê Thị Cẩm	Vân	TDV035760	2	26.00	2.0	28.00
73	Và A	Tủa	TTB007056	1	24.50	3.5	28.00
74	Vừ A	Dia	TTB001020	1	24.50	3.5	28.00
75	Lý Thị Thanh	Huế	TND010084	1	24.50	3.5	28.00
76	Cà Thị	Quyên	TTB005107	1	24.50	3.5	28.00
77	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	TND003761	1	24.50	3.5	28.00
78	Cà Văn	Chung	TTB000727	1	24.50	3.5	28.00
79	Vương Hồng	Huyền	THP006755	2	26.75	1.0	27.75
80	Giang Thị Hải	Lý	TND015796	2	27.25	0.5	27.75
81	Hoàng Thị	Hà	DCN002833	2	24.25	3.5	27.75
82	Nguyễn Lê Thu	Hà	LNH002503	2	24.25	3.5	27.75
83	Triệu Thị	Lầy	TND013609	2	24.25	3.5	27.75
84	Hoàng Thị	Thanh	HDT022547	2	26.25	1.5	27.75
85	Nguyễn Ngọc	Duyên	THP002592	2	26.75	1.0	27.75
86	Nguyễn Thị	Hồng	TND009833	2	26.25	1.5	27.75
87	Lý Thị	An	TND000038	2	24.25	3.5	27.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Hoàng Như	Quỳnh	THV011063	2	24.25	3.5	27.75
89	Vũ Thị Huyền	Trang	TQU005926	2	26.25	1.5	27.75
90	Đàm Văn	Thực	TND025270	2	24.25	3.5	27.75
91	Lục Thị Kiều	Trang	TQU005803	2	24.25	3.5	27.75
92	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003305	2	26.25	1.5	27.75
93	Doãn Thị	Hồng	HDT010018	2	26.25	1.5	27.75
94	Lò Văn	Duyệt	HDT004727	2	24.25	3.5	27.75
95	Đào Thị	Thúy	SPH016697	2	26.25	1.5	27.75
96	Lự Thị	Thúy	THV013127	2	24.25	3.5	27.75
97	Nguyễn Khánh	Linh	THV007536	1	26.25	1.5	27.75
98	Lương Thị	Hiếu	DCN003882	1	24.25	3.5	27.75
99	Vũ Thị	Ngân	HDT017718	1	24.25	3.5	27.75
100	Hà Thị Thu	Đẹp	TND005102	1	24.25	3.5	27.75
101	Đinh Thị	Thảo	TND022868	1	24.25	3.5	27.75
102	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029683	2	26.00	1.5	27.50
103	Nguyễn Thị	Phương	YTB017324	2	26.50	1.0	27.50
104	Vi Thị	Vân	TND029204	2	24.00	3.5	27.50
105	Phạm Thu	Phương	HDT020052	2	24.00	3.5	27.50
106	Nguyễn Thị	Thúy	THP014491	2	26.50	1.0	27.50
107	Nguyễn Thị	Huế	TDV012434	2	26.00	1.5	27.50
108	Nguyễn Thị	Hồng	TTN007044	2	26.00	1.5	27.50
109	Lê Thị Kim	Ngọc	TTB004371	2	26.00	1.5	27.50
110	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	2	24.00	3.5	27.50
111	Hà Thị Ngọc	Linh	THV007366	2	24.00	3.5	27.50
112	Đỗ Minh	Ngọc	THV009413	2	27.00	0.5	27.50
113	Mã Thanh	Lâm	TND013503	2	24.00	3.5	27.50
114	Lê Thị	Duyên	THP002581	2	27.00	0.5	27.50
115	Hà Thị Bích	Thảo	TQU005042	2	24.00	3.5	27.50
116	Cao Thị Hồng	Phượng	TDV024229	2	24.00	3.5	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013732	2	27.00	0.5	27.50
118	Lê Phương	Anh	HDT000573	2	26.00	1.5	27.50
119	Lý Thái	Bảo	TND001546	2	24.00	3.5	27.50
120	Nguyễn Thị Thu	Phượng	SPH013790	2	26.00	1.5	27.50
121	Lường Thị	Hằng	TTB002030	2	24.00	3.5	27.50
122	Nguyễn Thị Thùy	Vân	SPH019288	2	27.00	0.5	27.50
123	Lê Quốc	Hào	TDV008777	2	26.00	1.5	27.50
124	Nông Thị	Đào	TND004806	1	24.00	3.5	27.50
125	Vy Mỹ	Linh	TND014890	1	24.00	3.5	27.50
126	Hoàng Thị	Chiên	TQU000475	1	24.00	3.5	27.50
127	Bế Thị	Hường	TND012099	1	24.00	3.5	27.50
128	Nguyễn Thị Thu	An	TND000058	1	24.00	3.5	27.50
129	Đoàn Văn	Tiếp	TQU005653	1	26.00	1.5	27.50
130	Quan Thủy	Ngân	TQU003830	1	24.00	3.5	27.50
131	Nông Thị	Quyên	TND020825	1	24.00	3.5	27.50
132	Hà Thị	Luyến	TQU003406	1	24.00	3.5	27.50
133	Chu Thị	Duyên	TND004274	1	24.00	3.5	27.50
134	Nông Thị	Loan	TND015028	1	24.00	3.5	27.50
135	Mã Thị	Thanh	SPH015271	2	23.75	3.5	27.25
136	Kim Thảo	Linh	TQU003121	2	23.75	3.5	27.25
137	Nguyễn Văn	Dương	TDV005627	2	26.25	1.0	27.25
138	Lê Thị	Hương	HDT012158	2	26.25	1.0	27.25
139	Nông Văn	Quân	TQU004497	2	23.75	3.5	27.25
140	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013542	2	25.75	1.5	27.25
141	Bùi Thị Hải	Linh	TDV016205	2	26.75	0.5	27.25
142	Phạm Thị Kiều	Linh	TQU003235	2	25.75	1.5	27.25
143	Trần Phương	Anh	TTB000267	2	25.75	1.5	27.25
144	Nguyễn Thị	Anh	TND000706	2	25.75	1.5	27.25
145	Hà Thị	Hằng	KQH004209	2	23.75	3.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Đào Thị Tú	Linh	THV007314	2	25.75	1.5	27.25
147	Nguyễn Duy	Tuấn	KQH015443	2	25.75	1.5	27.25
148	Đặng Thị	Nga	TDV020349	2	25.75	1.5	27.25
149	Lê Thị Minh	Thảo	TQU005062	2	25.75	1.5	27.25
150	Lã Thị	Linh	YTB012556	2	25.75	1.5	27.25
151	Phạm Thu	Hảo	THP004409	2	26.75	0.5	27.25
152	Lê Thị Huệ	Duyên	HDT004620	2	25.75	1.5	27.25
153	Ma Thị Thu	Hoài	TQU001996	2	23.75	3.5	27.25
154	Lù Thị	Tâm	DCN009835	2	23.75	3.5	27.25
155	Nguyễn Tấn	Hòa	TQU001965	2	23.75	3.5	27.25
156	Nông Thị	Son	TND021467	2	23.75	3.5	27.25
157	Nguyễn Thị	Hậu	SPH005805	2	26.75	0.5	27.25
158	Hoàng Hồng	Ngọc	THV009455	2	23.75	3.5	27.25
159	Đỗ Thị Thái	Hà	HDT006565	2	26.25	1.0	27.25
160	Vũ Thị Mai	Sao	THV011268	2	25.75	1.5	27.25
161	La Thị	Dung	THV002048	2	23.75	3.5	27.25
162	Phùng Thị Kiều	Trinh	HDT027446	2	25.75	1.5	27.25
163	Nguyễn Thị Hà	Thương	HDT025520	2	26.75	0.5	27.25
164	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001786	2	26.75	0.5	27.25
165	Bùi Thị	Quỳnh	LNH007700	2	23.75	3.5	27.25
166	Lý Thị Bích	Nguyệt	TND018376	1	23.75	3.5	27.25
167	Nông Thị	Xâm	TND029728	1	23.75	3.5	27.25
168	Nguyễn Thị Thanh	Mai	KQH008813	1	23.75	3.5	27.25
169	Ngô Duy Hồng	Quân	LNH007568	1	25.75	1.5	27.25
170	Hoàng Thu	Hoàn	TND009280	1	23.75	3.5	27.25
171	Nguyễn Phương	Trang	THP015142	1	26.25	1.0	27.25
172	Đàm Thị	Thảo	KQH012532	1	23.75	3.5	27.25
173	Lò Thị	Quy	TND020656	1	23.75	3.5	27.25
174	Hồ Văn	Trai	DHU024012	1	23.75	3.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Lục Thu	Hồng	TND009756	1	23.75	3.5	27.25
176	Nguyễn Thị	Lan	TND013328	1	25.75	1.5	27.25
177	Nông Thu	Hồng	TND009851	1	23.75	3.5	27.25
178	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	1	25.75	1.5	27.25
179	Chờ Thị	Huyền	TND010935	1	23.75	3.5	27.25
180	Cao Thị Thu	Hoài	TND009065	1	25.75	1.5	27.25
181	Nguyễn Thị	Quỳnh	DHU019103	1	24.75	2.5	27.25
182	Nguyễn Hải	Lê	HDT013473	2	26.00	1.0	27.00
183	Đặng Thị	Tâm	TDV026932	2	25.50	1.5	27.00
184	Nguyễn Đức	Thành	TQU004993	2	23.50	3.5	27.00
185	Nông Phương	Thảo	TND023241	2	23.50	3.5	27.00
186	Phạm Thị	Nga	THP010025	2	26.00	1.0	27.00
187	Đặng Thị	Hiền	TTB002121	2	25.50	1.5	27.00
188	Lò Đức	Giang	TTB001642	2	23.50	3.5	27.00
189	Lê Sỹ	Cường	HDT003300	2	26.00	1.0	27.00
190	Bùi Thị Thương	Huyền	YTB009828	2	26.50	0.5	27.00
191	Ma Thị	ánh	TQU000275	2	23.50	3.5	27.00
192	Trịnh Thị	Châm	TND002122	2	23.50	3.5	27.00
193	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009233	2	26.50	0.5	27.00
194	Lương Thị	Vân	TND029086	2	23.50	3.5	27.00
195	Phạm Thị Linh	Trang	HDT027041	2	25.50	1.5	27.00
196	Vũ Thị	Thành	BKA011812	2	26.00	1.0	27.00
197	Ngô Hồng	Hạnh	TND006956	2	23.50	3.5	27.00
198	Trần Thị Huyền	Trang	TQU005909	2	25.50	1.5	27.00
199	Đinh Thùy	Linh	LNH005244	2	25.50	1.5	27.00
200	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001193	2	26.00	1.0	27.00
201	Lương Văn	Qui	THV010880	2	23.50	3.5	27.00
202	Nguyễn Ngọc	Lan	DCN005913	2	25.50	1.5	27.00
203	Đặng Thị	Liêm	KQH007587	2	23.50	3.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Lô Thị ánh	Minh	TDV019267	2	23.50	3.5	27.00
205	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	2	23.50	3.5	27.00
206	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	THP008419	2	26.00	1.0	27.00
207	Triệu Văn	Tuyển	TND028499	2	23.50	3.5	27.00
208	Đỗ Thị	Uyên	KQH015939	2	26.50	0.5	27.00
209	Hoàng Thị	Sa	THV011215	2	25.50	1.5	27.00
210	Đặng Hiền	Thương	TND025302	2	25.50	1.5	27.00
211	Bùi Thị Trà	My	TTB004084	2	25.50	1.5	27.00
212	Hoàng Thị	Ly	HDT015740	2	25.50	1.5	27.00
213	Trần Diệu	Linh	TTB003588	2	25.50	1.5	27.00
214	Phạm Thị	Hằng	HDT008053	2	26.00	1.0	27.00
215	Cà Thị	út	TTB007347	2	23.50	3.5	27.00
216	Vương Thị Tuyết	Trình	KQH014933	2	26.50	0.5	27.00
217	Triệu Thị	Mây	TND016355	2	23.50	3.5	27.00
218	Phạm Mai	Trang	TND026654	2	25.50	1.5	27.00
219	Đoàn Thị Phương	Trình	TND026914	2	23.50	3.5	27.00
220	Lương Thị Phương	Thảo	THP013325	1	26.50	0.5	27.00
221	Lục Thị	Nhinh	TND018730	1	23.50	3.5	27.00
222	Nguyễn Thị	Sang	THP012488	1	26.50	0.5	27.00
223	Nguyễn Thị	Hằng	TTB002038	1	25.50	1.5	27.00
224	Hà Thị Kim	Trang	LNH009705	1	23.50	3.5	27.00
225	Hà Thị	Xuyến	TTB007651	1	23.50	3.5	27.00
226	Trần Thị	Hằng	TQU001659	1	24.50	2.5	27.00
227	Giàng Thị	Pằng	KQH010601	1	23.50	3.5	27.00
228	Trần Thu	Ngân	THV009292	1	25.50	1.5	27.00
229	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	TND007570	1	23.50	3.5	27.00
230	Giàng A	Nù	TTB004657	1	23.50	3.5	27.00
231	Dương Thị Lan	Anh	TND000157	1	25.50	1.5	27.00
232	Lò Thị	Thanh	TTB005671	1	23.50	3.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Giàng A	Lào	TTB003340	1	23.50	3.5	27.00
234	Bùi Thị Thu	Hà	TND006094	1	25.50	1.5	27.00
235	Nguyễn Thị Hồng	Lê	THV007092	1	25.50	1.5	27.00
236	Trần Thị	Oanh	TDV023128	1	25.50	1.5	27.00
237	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TTB002147	1	25.50	1.5	27.00
238	Hà Thị	Phượng	LNH007300	1	23.50	3.5	27.00
239	Vĩ Thị Thúy	An	TTB000032	1	23.50	3.5	27.00
240	Lang Thị	Trang	DCN011718	1	23.50	3.5	27.00
241	Lường Thị	Hải	TTB001865	1	23.50	3.5	27.00
242	Chu Ngọc	Diệp	TND003446	1	23.50	3.5	27.00
243	Châu Thị	Ninh	TQU004156	1	23.50	3.5	27.00
244	Bùi Thị Lan	Anh	LNH000072	1	23.50	3.5	27.00
245	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	1	26.50	0.5	27.00
246	Hoàng Thu	Hương	TND011776	1	23.50	3.5	27.00
247	Lèng Thị	Như	TQU004142	2	23.25	3.5	26.75
248	Lê Thị	Phượng	HDT020198	2	25.75	1.0	26.75
249	Vũ Thuỷ	Tiên	THV013361	2	25.25	1.5	26.75
250	Hoàng Thị	Mai	TQU003506	2	23.25	3.5	26.75
251	Hà Ngọc	Huyền	HDT011301	2	23.25	3.5	26.75
252	Tống Thị	Mai	HDT016152	2	25.25	1.5	26.75
253	Trương Thị Hồng	Vân	TDV035937	2	25.25	1.5	26.75
254	Nguyễn Thị	Gái	TDV007083	2	25.25	1.5	26.75
255	Triệu Diễm	Quỳnh	THV011180	2	23.25	3.5	26.75
256	Đào Anh	Dũng	THV002162	2	25.25	1.5	26.75
257	Phạm Thị	Thảo	YTB019918	2	26.25	0.5	26.75
258	Bùi Thị	Thủy	TDV030302	2	25.75	1.0	26.75
259	Lao Thị Hồng	Hoài	TND009109	2	23.25	3.5	26.75
260	Lao Thị Ngọc	ánh	TND001317	2	23.25	3.5	26.75
261	Ngô Thị	Hạnh	TND006962	2	25.75	1.0	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

Trang 10

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	2	23.25	3.5	26.75
263	Bùi Thị	Hà	LNH002420	2	23.25	3.5	26.75
264	Nguyễn Thị Thùy	Dung	TQU000854	2	25.25	1.5	26.75
265	Triệu Thị Thanh	Viễn	DCN013068	2	23.25	3.5	26.75
266	Nguyễn Thu	Thảo	LNH008590	2	25.25	1.5	26.75
267	Bùi Thị Băng	Trinh	LNH009970	2	23.25	3.5	26.75
268	Nguyễn Thị	Nga	HDT017467	2	25.75	1.0	26.75
269	Trương Hải	Yến	TND030159	2	23.25	3.5	26.75
270	Lê Thị	Nhung	HDT018777	2	26.25	0.5	26.75
271	Đào Thị Vân	Anh	TDV000349	2	26.25	0.5	26.75
272	Lê Thị Hoài	Thơ	DHU022300	2	25.25	1.5	26.75
273	Bùi Thị Thúy	Hiền	THV004244	2	25.25	1.5	26.75
274	Chu Thị	Thảo	TTB005838	2	23.25	3.5	26.75
275	Phạm Việt	Trinh	THP015567	2	26.25	0.5	26.75
276	Lê Thị Kim	Anh	HDT000628	2	25.25	1.5	26.75
277	Nguyễn Hải	Yến	TDV036957	2	25.25	1.5	26.75
278	Lê Linh	Chi	SPH002364	1	26.25	0.5	26.75
279	Lăng Thị	Hoài	TND009110	1	23.25	3.5	26.75
280	Nguyễn Bá	Ngọc	THP010357	1	24.25	2.5	26.75
281	Bùi Thị	Liên	LNH005108	1	23.25	3.5	26.75
282	Nông Thị Xuân	Hòa	TQU001968	1	23.25	3.5	26.75
283	Hồ Thị	ánh	TDV001687	1	25.25	1.5	26.75
284	Nguyễn Văn	Mạnh	SPH011175	1	26.25	0.5	26.75
285	Nguyễn Thành	Trung	TND027181	1	23.25	3.5	26.75
286	Đào Thị	Hương	HDT011993	1	25.75	1.0	26.75
287	Nguyễn Thu	Trang	KQH014676	1	26.25	0.5	26.75
288	Phạm Hồng	Sơn	HDT021848	1	25.25	1.5	26.75
289	Màng Thị	Nhọn	TTB004558	1	23.25	3.5	26.75
290	Nguyễn Đình	Cảnh	HDT002326	1	25.75	1.0	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

Trang 11

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013721	1	26.25	0.5	26.75
292	Nguyễn Quỳnh	Lâm	SPH009178	1	25.75	1.0	26.75
293	Nguyễn Như	Quỳnh	TND021137	1	25.25	1.5	26.75
294	Nguyễn Thị Lệ	Thu	SPH016347	1	26.25	0.5	26.75
295	Đỗ Thùy	Trang	HHA014438	2	26.00	0.5	26.50
296	Lò Thị	Mừng	TTB004079	2	23.00	3.5	26.50
297	Đậu Thị Hà	Thu	HDT024340	2	25.50	1.0	26.50
298	Nguyễn Văn	Tân	THV011742	2	25.00	1.5	26.50
299	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003309	2	25.00	1.5	26.50
300	Bùi Thị Thúy	Quỳnh	TQU004582	2	25.00	1.5	26.50
301	Lương Thị	Thảo	THV012200	2	23.00	3.5	26.50
302	Đinh Thị	Ngân	DCN007924	2	23.00	3.5	26.50
303	Lê Thị	Hằng	HDT007837	2	25.50	1.0	26.50
304	Lường Văn	Khiêm	LNH004811	2	23.00	3.5	26.50
305	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	TND018396	2	23.00	3.5	26.50
306	Đặng Thị	Bảo	THV000922	2	23.00	3.5	26.50
307	Lương Thị Lệ	Thu	THV012815	2	23.00	3.5	26.50
308	Vũ Thị Thanh	Xuân	KQH016470	2	25.50	1.0	26.50
309	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028260	2	25.00	1.5	26.50
310	Phan Thị Thùy	Trang	TDV032871	2	25.00	1.5	26.50
311	Trần Thị Thuỳ	Dương	THP002832	2	26.00	0.5	26.50
312	Tô Thị Thu	Hà	TND006459	2	23.00	3.5	26.50
313	Nguyễn Thị Hằng	Nga	TDV020447	2	25.00	1.5	26.50
314	Nguyễn Thu	Thoàn	TQU005304	2	23.00	3.5	26.50
315	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HDT018040	2	25.00	1.5	26.50
316	Sầm Thị	Tuyền	TND028496	2	23.00	3.5	26.50
317	Đàm Thị	Trang	TND026077	2	23.00	3.5	26.50
318	Hoàng Thị	Loan	TDV017523	2	25.50	1.0	26.50
319	Vàng Thị	Cúc	THV001679	2	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

Trang 12

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Bùi Thị Thanh	Tú	TDV034185	2	25.50	1.0	26.50
321	Trần Uyên	Chi	TDV003028	2	25.00	1.5	26.50
322	Nguyễn Thị Yến	Nhi	TDV022187	2	26.00	0.5	26.50
323	Đỗ Mai	Hương	THP006938	2	26.00	0.5	26.50
324	Nguyễn Thị	Thanh	KQH012316	2	26.00	0.5	26.50
325	Quảng Văn	Dũng	TTB001248	2	23.00	3.5	26.50
326	Lê Thị Bích	Thảo	DCN010221	2	26.00	0.5	26.50
327	Lê Thị	Dung	HDT003866	2	25.50	1.0	26.50
328	Hoàng Thị Đình	Mỹ	HDT016855	2	25.00	1.5	26.50
329	Đỗ Thị Thu	Nhâm	HDT018441	2	25.00	1.5	26.50
330	Đặng Thị	Khánh	TDV014850	2	25.50	1.0	26.50
331	Phà Thó	Xa	THV015435	2	23.00	3.5	26.50
332	Lại Thị	Minh	DCN007378	2	25.50	1.0	26.50
333	Hoàng Thu	Trang	TQU005797	2	23.00	3.5	26.50
334	Trịnh Thị Như	Quỳnh	HDT021335	2	23.00	3.5	26.50
335	Vũ Thùy	Linh	YTB013205	2	24.50	2.0	26.50
336	Lò Thị	Tiệm	TTB006534	2	23.00	3.5	26.50
337	Phạm Thị	Giang	HDT006412	2	25.50	1.0	26.50
338	Lê Đình	Đạt	HDT005241	2	23.00	3.5	26.50
339	Nguyễn Thị Minh	Thư	TLA013516	2	26.00	0.5	26.50
340	Nguyễn Thị Thùy	Linh	LNH005414	1	25.00	1.5	26.50
341	Hàn Thị Ngọc	Mai	KQH008728	1	23.00	3.5	26.50
342	Phạm Thị	Hương	THP007127	1	26.00	0.5	26.50
343	Trần Thị Phương	Hoa	LNH003464	1	25.00	1.5	26.50
344	Nguyễn Minh	Huyền	LNH004226	1	25.00	1.5	26.50
345	Hoàng Thị Xuân	Quỳnh	SPH014470	1	26.00	0.5	26.50
346	Lã Văn	Bằng	DCN000946	1	25.50	1.0	26.50
347	Nông Thị	Hằng	TND007466	1	23.00	3.5	26.50
348	Âu Thị	Sen	TQU004680	1	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Đặng Thị	Múi	TND016742	1	23.00	3.5	26.50
350	Mạc Quỳnh	Anh	THP000387	1	26.00	0.5	26.50
351	Trần Ngọc	Mai	TND016088	1	23.00	3.5	26.50
352	Doãn Thị Thu	Hường	KQH006833	1	26.00	0.5	26.50
353	Vũ Lê	Hà	LNH002602	1	25.00	1.5	26.50
354	Nguyễn Thị	Hương	THV006207	1	23.00	3.5	26.50
355	Lương Thảo	Phượng	TND019873	1	23.00	3.5	26.50
356	Triệu Thị	Hằng	TND007506	1	23.00	3.5	26.50
357	Hoàng Minh	Thành	DHU020770	1	25.00	1.5	26.50
358	Phạm Tân	Trang	TTB006818	1	25.00	1.5	26.50
359	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009704	1	25.50	1.0	26.50
360	Nguyễn Nhật	Linh	SPH009836	1	26.00	0.5	26.50
361	Lò Trung	Thành	TTB005740	1	23.00	3.5	26.50
362	Đàm Thị	Kiều	TND013050	1	23.00	3.5	26.50
363	Nguyễn Thị	Thuận	TND024540	1	25.00	1.5	26.50
364	Hoàng ánh	Nguyệt	TND018349	1	23.00	3.5	26.50
365	Hà Thị	Bình	LNH000821	1	23.00	3.5	26.50
366	Lò Thị	Hà	THV003489	1	23.00	3.5	26.50
367	Đào Thị	Yến	TND029935	1	25.00	1.5	26.50
368	Sáng Thị	Chính	TQU000537	1	23.00	3.5	26.50
369	Sùng Thị	Dợ	TQU000804	1	23.00	3.5	26.50
370	Lý Thị	Ghền	TND005756	1	23.00	3.5	26.50
371	Dương Hồng	Sơn	TND021498	1	25.00	1.5	26.50
372	Thào A	Pó	TTB004987	1	23.00	3.5	26.50
373	Nông Thị Vân	Hoa	TND008828	1	23.00	3.5	26.50
374	Tạ Minh	Loan	THV007904	1	25.00	1.5	26.50
375	Đàm Thị Mỹ	Linh	KQH007744	1	23.00	3.5	26.50
376	Pờ Mé	Nu	TTB004653	1	23.00	3.5	26.50
377	Lò Thị Tố	Uyên	TTB007359	1	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

Trang 14

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Phan Mỹ	Hạnh	TQU001564	1	25.00	1.5	26.50
379	Nguyễn Thị Hà	Trang	LNH009779	1	23.00	3.5	26.50
380	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	HVN000521	1	25.50	1.0	26.50
381	Phạm Thị	Loan	YTB013323	3	25.25	1.0	26.25
382	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	2	25.25	1.0	26.25
383	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011476	2	25.25	1.0	26.25
384	Hà Đình	Công	THV001592	2	22.75	3.5	26.25
385	Lương Thị	Bình	HDT002193	2	22.75	3.5	26.25
386	Đỗ Thị Thảo	Anh	YTB000268	2	25.75	0.5	26.25
387	Đình Thị	Hường	LNH004614	2	22.75	3.5	26.25
388	Nguyễn Nhật	Lệ	TND013711	2	24.75	1.5	26.25
389	Nguyễn Thị	Định	BKA003042	2	23.25	3.0	26.25
390	Lý Thị Tuyết	Nhung	THV009898	2	22.75	3.5	26.25
391	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007420	2	24.75	1.5	26.25
392	Vũ Phương	Hoa	TQU001940	2	22.75	3.5	26.25
393	Đình Hoàng	Mai	HDT015943	2	24.75	1.5	26.25
394	Đặng Thị Thanh	Hà	TND006161	2	22.75	3.5	26.25
395	Nguyễn Trang	Ly	TQU003480	2	24.75	1.5	26.25
396	Nguyễn Thị	Lành	TDV015733	2	24.75	1.5	26.25
397	Trần Thị Hồng	Vinh	TDV036256	2	24.75	1.5	26.25
398	Nguyễn Thị Mai	Hương	TDV014432	2	25.75	0.5	26.25
399	Đỗ Thuỳ	Duyên	TQU000975	2	22.75	3.5	26.25
400	Lại Thị Bình	Huế	DHU007894	2	25.75	0.5	26.25
401	Vi Thị	Thuyết	THV013199	2	22.75	3.5	26.25
402	Nguyễn Văn	Thiên	THP013793	2	25.25	1.0	26.25
403	Phan Thị	Thương	TDV031159	2	24.75	1.5	26.25
404	Hoàng Thị	Hồng	TLA005694	2	25.75	0.5	26.25
405	Nhữ Thị Ngọc	ánh	TLA001473	2	25.75	0.5	26.25
406	Lê Thị Khánh	Ly	TDV018286	2	25.75	0.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Lê Thị Bình	Tiên	TDV031309	2	24.75	1.5	26.25
408	Vũ Thị	Hiền	THV004397	2	22.75	3.5	26.25
409	Hoàng Thị	Lực	KQH008501	2	22.75	3.5	26.25
410	Phạm Thị Thu	Thủy	DCN011084	2	25.75	0.5	26.25
411	Lã Thị	Thanh	TQU004948	2	24.75	1.5	26.25
412	Lê Thị	Thúy	HHA013877	2	25.75	0.5	26.25
413	Lù Thị	Trang	THV013768	2	22.75	3.5	26.25
414	Đồng Mai	Phượng	TND019770	2	22.75	3.5	26.25
415	Hoàng Thị Mai	Liều	TND013933	2	22.75	3.5	26.25
416	Lê Thị	Hiền	TDV009806	2	24.75	1.5	26.25
417	Nguyễn Thị	Hồng	TND009799	2	24.75	1.5	26.25
418	Nguyễn Thị	Hằng	TDV009221	2	24.75	1.5	26.25
419	Bùi Thị Tuyết	Chinh	SPH002526	2	25.75	0.5	26.25
420	Nguyễn Anh	Thư	TDV030836	2	25.25	1.0	26.25
421	Vũ Thị Bích	Châm	THP001451	2	25.75	0.5	26.25
422	Hoàng Thị Lan	Anh	TND000369	2	24.75	1.5	26.25
423	Hồ Thị	Mỹ	TDV019662	2	24.75	1.5	26.25
424	Lò Thị	Dung	THV002060	2	22.75	3.5	26.25
425	Nguyễn Thị	Dịu	THP002119	2	25.75	0.5	26.25
426	Lê Thúy	Nga	DHU013914	2	25.75	0.5	26.25
427	Lê Thị Hồng	Ngát	YTB015320	2	25.25	1.0	26.25
428	Nguyễn Thị	Tình	HHA014236	2	25.25	1.0	26.25
429	Trần Thị Phương	Anh	HHA000947	2	24.75	1.5	26.25
430	Phạm Văn	Thảo	TND023293	2	24.75	1.5	26.25
431	Lê Thị	Hà	HDT006658	2	25.25	1.0	26.25
432	Hoàng Thị	Duyên	TND004302	2	22.75	3.5	26.25
433	Đỗ Thị	Hoa	THV004702	2	24.75	1.5	26.25
434	Trần Thị	Hạnh	TDV008707	2	24.75	1.5	26.25
435	Nguyễn Khánh	Huyền	THV005811	2	22.75	3.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

Trang 16

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Lê Thị Thanh	Huyền	KQH006144	2	25.75	0.5	26.25
437	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	TND002165	1	25.75	0.5	26.25
438	Bùi Thị	Thơm	TDV029641	1	24.75	1.5	26.25
439	Nguyễn Ngọc	Bích	SPH002019	1	25.75	0.5	26.25
440	Phạm Thị	Hạnh	HDT007593	1	24.75	1.5	26.25
441	Triệu Thùy	Linh	TND014764	1	22.75	3.5	26.25
442	Thào A	Chứ	TTB000795	1	22.75	3.5	26.25
443	Nguyễn Thị	Trang	HDT026941	1	25.25	1.0	26.25
444	Hà Thị	Quỳnh	TND021038	1	22.75	3.5	26.25
445	Triệu Thị	Thùy	KQH013612	1	22.75	3.5	26.25
446	Hoàng Thị	Vân	HDT029488	1	25.25	1.0	26.25
447	Nguyễn Ngân	Hồng	TQU002144	1	22.75	3.5	26.25
448	Lương Thị	Yến	TND030011	1	22.75	3.5	26.25
449	Hà Thị Kim	Liên	HDT013607	1	22.75	3.5	26.25
450	Vừ Seo	Hòa	THV004876	1	22.75	3.5	26.25
451	Tô Thúy	Hằng	TLA004679	1	26.25		26.25
452	Lê Thị Hồng	Hạnh	TTB001925	1	24.75	1.5	26.25
453	Nguyễn Thị Lan	Hương	SPH008370	1	25.75	0.5	26.25
454	Nguyễn Thị Kiều	Trang	DCN011807	1	25.75	0.5	26.25
455	Bùi Thị	Phương	TND019724	1	22.75	3.5	26.25
456	Nông Thị	Mến	TQU003587	1	22.75	3.5	26.25
457	Hoàng Thị	Sen	TND021390	1	22.75	3.5	26.25
458	Nguyễn Văn	Tùng	TLA015205	1	26.25		26.25
459	Nguyễn Thị	Anh	KQH000429	1	24.75	1.5	26.25
460	Hoàng Thị	Len	TND013612	1	22.75	3.5	26.25
461	Nông Thị	Thơm	TQU005337	1	22.75	3.5	26.25
462	Phạm Thị	ánh	TDV001877	1	24.75	1.5	26.25
463	Vương Quốc	Nam	THP009905	1	25.25	1.0	26.25
464	Nguyễn Thị Thanh	Hải	TND006710	1	24.75	1.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

Trang 17

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Dương Thị Bích	Phượng	THV010603	1	24.75	1.5	26.25
466	Lê Thị Hồng	Vân	HDT029506	1	25.75	0.5	26.25
467	Nguyễn Thị	Trang	HDT026850	2	25.00	1.0	26.00
468	Nông Thị Mai	Trang	TND026625	2	22.50	3.5	26.00
469	Nguyễn Bích	Ngọc	TQU003919	2	24.50	1.5	26.00
470	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	2	25.00	1.0	26.00
471	Mai Thị Thanh	Hà	TQU001412	2	24.50	1.5	26.00
472	Bùi Thị	Mến	HDT016401	2	22.50	3.5	26.00
473	Đỗ Thị	Duyên	KQH002424	2	25.50	0.5	26.00
474	Nguyễn Thị Hương	Lan	THV006923	2	22.50	3.5	26.00
475	Dương Thị Quỳnh	Trang	TDV032074	2	24.50	1.5	26.00
476	Nguyễn Thị	Vân	TDV035844	2	24.50	1.5	26.00
477	Trần Thị	Trang	TDV033109	2	24.50	1.5	26.00
478	Phạm Lâm	Oanh	LNH007144	2	24.50	1.5	26.00
479	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029704	2	24.50	1.5	26.00
480	Hoàng Thị	Trang	TQU005793	2	22.50	3.5	26.00
481	Lê Thị	Hạnh	HDT007502	2	23.50	2.5	26.00
482	Hoàng Thị	Tấm	TND022175	2	22.50	3.5	26.00
483	Đồng Thị Ngọc	Thơ	KQH013257	2	22.50	3.5	26.00
484	Hà Kim	Oanh	TTB004678	2	24.50	1.5	26.00
485	Đào Thị Thu	Hương	TQU002596	2	22.50	3.5	26.00
486	Nguyễn Thị	Quỳnh	TDV025522	2	25.00	1.0	26.00
487	Phạm Thị Diệu	Hằng	BJA004295	2	25.50	0.5	26.00
488	Vũ Thị Minh	Nguyệt	TQU004022	2	24.50	1.5	26.00
489	Nguyễn Văn	Thành	THV012023	2	24.50	1.5	26.00
490	Phạm Thị	Huyền	HDT011613	2	25.00	1.0	26.00
491	Dương Thị	Dung	SPH002980	2	25.50	0.5	26.00
492	Nguyễn Thị Anh	Thư	TTB006447	2	24.50	1.5	26.00
493	Hoàng Thị	Hoa	THP005281	2	25.00	1.0	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

Trang 18

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Lê Thị	Ninh	HDT019102	2	25.00	1.0	26.00
495	Dương Thùy	Linh	SPH009423	2	24.50	1.5	26.00
496	Trần Ngọc	Toàn	KHA010183	2	25.00	1.0	26.00
497	Nguyễn Thị	Thuận	TDV030027	2	25.00	1.0	26.00
498	Lê Thị	Thư	THV013212	2	22.50	3.5	26.00
499	Đào Thùy	Trang	TQU005766	2	24.50	1.5	26.00
500	Vi Thị Thảo	Ly	TND015781	2	22.50	3.5	26.00
501	Chu Thị	Ngọc	YTB015579	2	25.00	1.0	26.00
502	Phàn Thị	Mấy	TQU003576	2	22.50	3.5	26.00
503	Lê Thị Minh	Thu	TQU005354	2	24.50	1.5	26.00
504	Trần Mạnh	Cường	TDV004078	2	24.50	1.5	26.00
505	Nguyễn Thị	Huệ	HDT010545	2	25.00	1.0	26.00
506	Nguyễn Thị	Hằng	HDT008001	2	24.50	1.5	26.00
507	Phạm Thị	Linh	KQH008053	2	25.50	0.5	26.00
508	Võ Thị Tuyết	Mây	TDV019139	2	24.50	1.5	26.00
509	Phạm Thị Kiều	Dung	DHU002905	2	24.50	1.5	26.00
510	Nguyễn Thu	Trang	HDT026991	2	22.50	3.5	26.00
511	Vũ Thị ánh	Tuyết	THP016392	2	25.50	0.5	26.00
512	Nguyễn Mạnh	Linh	SPH009822	2	25.00	1.0	26.00
513	Trần Thị Thanh	Mai	THP009299	2	25.50	0.5	26.00
514	Lê Phùng Thùy	Dương	TTB001343	2	24.50	1.5	26.00
515	Hoàng Thị	Nghiệp	TQU003878	2	22.50	3.5	26.00
516	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	SPH013096	2	25.50	0.5	26.00
517	Hoàng Thị	Ninh	TND019159	2	22.50	3.5	26.00
518	Nguyễn Bích	Hòa	TTB002379	2	24.50	1.5	26.00
519	Lê Thị	Loan	HDT015087	2	24.50	1.5	26.00
520	Nguyễn Thị	Nhàn	THP010708	2	25.00	1.0	26.00
521	Đặng Thị	Thành	TDV027630	2	24.50	1.5	26.00
522	Nguyễn Thu	Quỳnh	TND021203	1	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

Trang 19

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Trần Minh	Quang	THV010774	1	24.50	1.5	26.00
524	Đỗ Thị	Giang	SPH004466	1	25.00	1.0	26.00
525	Hoàng Thị	Loan	TND014960	1	25.00	1.0	26.00
526	Vũ Thị	Phượng	YTB017528	1	25.00	1.0	26.00
527	Đặng Thị	Linh	TDV016336	1	25.00	1.0	26.00
528	Mạc Thị	Hiến	TND008102	1	22.50	3.5	26.00
529	Mai Huệ	An	HDT000054	1	25.00	1.0	26.00
530	Đỗ Ngọc	Anh	TND000176	1	24.50	1.5	26.00
531	Lường Mai	Chinh	TTB000619	1	22.50	3.5	26.00
532	Phạm Thị	Hạnh	HDT007597	1	24.50	1.5	26.00
533	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010126	1	25.50	0.5	26.00
534	Hoàng Thị Thu	Hiên	TND007830	1	22.50	3.5	26.00
535	Phạm Thị	Phượng	TND020049	1	24.50	1.5	26.00
536	Phạm Hồng	Nhung	TND019005	1	24.50	1.5	26.00
537	Nguyễn Minh	Huyền	TDV013506	1	25.50	0.5	26.00
538	Nguyễn Thị	Yến	TQU006635	1	24.50	1.5	26.00
539	Nguyễn Đức	Công	LNH001193	1	25.50	0.5	26.00
540	Phạm Thị ánh	Nhật	HDT018536	1	24.50	1.5	26.00
541	Y Hoàng	Miô	TTN006948	1	22.50	3.5	26.00
542	Trương Thị Thu	Trang	SPH017853	1	25.00	1.0	26.00
543	Triệu Thị Khánh	Hòa	TND009021	1	22.50	3.5	26.00
544	Tòng Thị	Nguyên	TTB004453	1	22.50	3.5	26.00
545	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	TTN013748	1	24.50	1.5	26.00
546	Trần Thị	Nga	HDT017531	1	25.00	1.0	26.00
547	Dương Thị	Huyền	TQU002411	1	22.50	3.5	26.00
548	Nông Văn	Nam	TTB004168	1	22.50	3.5	26.00
549	Nguyễn Thị Tú	Anh	TTB000196	1	24.50	1.5	26.00
550	Sùng A	Pênh	TTB004732	1	22.50	3.5	26.00
551	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	1	25.00	1.0	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Hồ Ngọc Bích	Phương	HHA011075	1	24.50	1.5	26.00
553	Xin Thị	Liên	TQU003047	1	22.50	3.5	26.00
554	Nguyễn Thị Thu	Trang	SPH017627	1	25.00	1.0	26.00
555	Trần Thị	Anh	THP000856	1	25.00	1.0	26.00
556	Hoàng Thị	Hường	TND012138	1	22.50	3.5	26.00
557	Bùi Thị Hoài	My	LNH006223	1	22.50	3.5	26.00
558	Bàn Thị	Hường	TND012100	1	22.50	3.5	26.00
559	Trần Thị Thu	Thuỷ	THV012932	1	24.50	1.5	26.00
560	Đỗ Thu	Nga	HHA009697	1	24.50	1.5	26.00
561	Tòng Thị	Thu	THV012859	1	22.50	3.5	26.00
562	Trần Lan	Hương	YTB010877	1	25.50	0.5	26.00
563	Trần Hương	Giang	TND006025	1	24.50	1.5	26.00
564	Nguyễn Thị Thắng	Hà	THV003533	1	24.50	1.5	26.00
565	Bạch Thị Thu	Hiền	SPH005842	2	24.75	1.0	25.75
566	Lê Thị	Nhung	HDT018789	2	24.75	1.0	25.75
567	Nguyễn Văn	Khảm	HDT012615	2	22.25	3.5	25.75
568	Chu Minh	Trang	DCN011617	2	25.25	0.5	25.75
569	Nguyễn Việt	Hà	SPH004974	2	24.25	1.5	25.75
570	Lê Thị	Dung	HDT003842	2	24.75	1.0	25.75
571	Nguyễn Huy	Khánh	THV006575	2	25.25	0.5	25.75
572	Trần Thị	Giang	TDV007480	2	25.25	0.5	25.75
573	Sỹ Thị Nhật	Lệ	YTB012157	2	25.25	0.5	25.75
574	Nguyễn Thị	Thắm	THV012413	2	22.25	3.5	25.75
575	Trần Thị Kim	Chi	SPH002449	2	24.75	1.0	25.75
576	Trần Thị Trà	My	LNH006246	2	24.25	1.5	25.75
577	Lương Đình	Hùng	TND010463	2	22.25	3.5	25.75
578	Bế Thị Lệ	Thủy	TND024753	2	22.25	3.5	25.75
579	Hà Thị	Linh	TDV016421	2	24.25	1.5	25.75
580	Nguyễn Hồng	Nhung	HHA010578	2	24.25	1.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Tống Thị	Duyên	TND004393	2	24.25	1.5	25.75
582	Lâm Thị	Trang	TND026235	2	22.25	3.5	25.75
583	Triệu Anh	Quân	TQU004502	2	22.25	3.5	25.75
584	Đỗ Thị Hương	Trà	TND025937	2	22.25	3.5	25.75
585	Ngô Thị	Hiếu	TDV010472	2	24.75	1.0	25.75
586	Nguyễn Thị Việt	Nga	TDV020569	2	24.25	1.5	25.75
587	Nguyễn Thị	Thúy	TDV030670	2	24.25	1.5	25.75
588	Phạm Thị Minh	Phượng	THV010544	2	24.25	1.5	25.75
589	Đinh Thị Ngọc	Hà	TND006154	2	22.25	3.5	25.75
590	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	THV009525	2	24.25	1.5	25.75
591	Phạm Thị Huyền	Trang	THV013954	2	24.25	1.5	25.75
592	Đỗ Thị	Nhung	YTB016326	2	25.25	0.5	25.75
593	Hoàng Thị Thanh	Tâm	DCN009830	2	22.25	3.5	25.75
594	Hà Thu	Trang	THV013701	2	24.25	1.5	25.75
595	Nguyễn Thị Đạo	Diễn	TND003429	2	22.25	3.5	25.75
596	Tạ Duy	Thanh	DCN010032	2	25.25	0.5	25.75
597	Trần Anh	Tuấn	TND028015	2	24.25	1.5	25.75
598	Nguyễn Phan	Hưng	TDV014128	2	25.25	0.5	25.75
599	Nguyễn Thị Diệu	Linh	DHU011248	2	24.25	1.5	25.75
600	Phùng Thị Thu	Huế	TND010121	2	22.25	3.5	25.75
601	Phạm Mai	Linh	THP008476	2	25.25	0.5	25.75
602	Nguyễn Hồng	Phi	TND019475	2	24.75	1.0	25.75
603	Võ Thị	Thúy	TDV030786	2	25.25	0.5	25.75
604	Ngô Thị	Thùy	TDV030241	2	24.25	1.5	25.75
605	Nguyễn Thị Việt	Anh	TDV001124	2	25.25	0.5	25.75
606	Trương Thị	Dịu	HHA002071	2	24.25	1.5	25.75
607	Nguyễn Thị Thu	Dung	THV002093	2	22.25	3.5	25.75
608	Lưu Thị Thúy	Huyền	TQU002443	2	22.25	3.5	25.75
609	Nguyễn Thị	Phượng	HHA011196	2	25.25	0.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Phạm Thùy	Linh	TND014702	2	25.25	0.5	25.75
611	Tạ Trần Thu	Hiền	TQU001742	2	24.25	1.5	25.75
612	Lê Thị Thanh	Thảo	THP013315	2	24.75	1.0	25.75
613	Hoàng Lưu	Ly	TQU003457	2	24.25	1.5	25.75
614	Hoàng Thị Thanh	Mai	TND015935	2	24.25	1.5	25.75
615	Nguyễn Thị	Linh	TDV016872	2	24.25	1.5	25.75
616	Lê Thị Thùy	Trang	DHU024195	2	24.25	1.5	25.75
617	Hoàng Thị	Phượng	SPH013614	2	25.25	0.5	25.75
618	Nguyễn Thị	Thạch	KQH012186	2	25.25	0.5	25.75
619	Tạ Thị	Quỳnh	SPH014577	2	22.25	3.5	25.75
620	Bùi Thị	Ngân	HDT017604	2	24.75	1.0	25.75
621	Trịnh Thị	Phượng	HDT020281	2	22.25	3.5	25.75
622	Nguyễn Thị	Hương	TDV014409	2	24.25	1.5	25.75
623	Vũ Thị Kiều	Anh	LNH000596	2	22.25	3.5	25.75
624	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	HHA014927	2	25.75		25.75
625	Đinh Thị Kim	Oanh	HDT019183	2	24.75	1.0	25.75
626	Chăng Kiều	Hoài	TQU001983	2	22.25	3.5	25.75
627	Đinh Xuân Lâm	Anh	TDV022809	2	24.75	1.0	25.75
628	Phạm Như Thu	Hường	YTB011074	2	25.25	0.5	25.75
629	Dương Hà	Linh	SPH009409	1	25.25	0.5	25.75
630	Tàng Thị	Kim	TND013120	1	22.25	3.5	25.75
631	Lý Kiều	Oanh	TQU004198	1	22.25	3.5	25.75
632	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	1	25.25	0.5	25.75
633	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	HDT025673	1	25.25	0.5	25.75
634	Lê Thị	Hạnh	HDT007508	1	24.75	1.0	25.75
635	Lưu Thị Thanh	Hoa	TQU001917	1	24.25	1.5	25.75
636	Cao Thị Thúy	Quỳnh	LNH007704	1	24.25	1.5	25.75
637	Hà Thị	Hồng	HDT010044	1	22.25	3.5	25.75
638	Nông Trường	Giang	THV003334	1	22.25	3.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Đặng Thị	Thủy	TQU005452	1	22.25	3.5	25.75
640	Hoàng Thị	Hiếu	TND008338	1	22.25	3.5	25.75
641	Vi Thị	Thuận	HDT024661	1	22.25	3.5	25.75
642	Vàng Quảng	Dín	THV001959	1	22.25	3.5	25.75
643	Đàm Thị	Thơm	KQH013270	1	22.25	3.5	25.75
644	Lê Đức	Chung	THP001700	1	24.25	1.5	25.75
645	Lê Ngọc	Linh	TND014252	1	24.25	1.5	25.75
646	Đặng Thị	Hồng	KQH005513	1	22.25	3.5	25.75
647	Nguy Thị	Hằng	TND007461	1	24.25	1.5	25.75
648	Nguyễn Thị	Trang	TQU005859	1	24.25	1.5	25.75
649	Nguyễn Thị	Thơm	TND024265	1	24.75	1.0	25.75
650	Phan Thị	Thơm	TDV029730	1	24.75	1.0	25.75
651	Nguyễn Thị	ánh	KQH000848	1	24.75	1.0	25.75
652	Triệu Thị	Nam	DCN007756	1	22.25	3.5	25.75
653	Trần Thị Nguyệt	Hà	TDV008058	1	24.75	1.0	25.75
654	Lý Thị Thúy	Hường	TND012163	1	22.25	3.5	25.75
655	Hà Thị Kim	Chanh	TND002080	1	24.25	1.5	25.75
656	Triệu Thị	Viên	TND029263	1	22.25	3.5	25.75
657	Lưu Thị	Chuyên	TQU000580	1	22.25	3.5	25.75
658	Phạm Thị Bích	Ngọc	KQH009971	1	23.75	2.0	25.75
659	Phạm Thị Thanh	Dung	DCN001758	1	24.75	1.0	25.75
660	Tạ Đức	Hiếu	HDT009046	1	25.25	0.5	25.75
661	Đào Thị Hồng	Nhung	HDT018664	1	25.25	0.5	25.75
662	Hoàng Thảo	Linh	SPH009554	1	24.25	1.5	25.75
663	Hà Hoàng	Mai	TND015906	1	22.25	3.5	25.75
664	Nguyễn Thị	Hương	TDV014416	1	24.75	1.0	25.75
665	Lương Thị Cẩm	Vân	YTB024954	1	25.25	0.5	25.75
666	Hà Thị	Dung	TND003674	1	22.25	3.5	25.75
667	Hoàng Thu	Diệu	TND003526	1	22.25	3.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Lương Thị Thu	Hoài	DCN004228	1	25.25	0.5	25.75
669	Nguyễn Khánh	Linh	SPH009786	1	25.25	0.5	25.75
670	Triệu Việt	Chinh	THV001425	1	24.25	1.5	25.75
671	Đinh Thị	Quỳnh	KQH011544	1	25.25	0.5	25.75
672	Hoàng Thị Bình	Minh	TND016493	1	22.25	3.5	25.75
673	Hà Quốc	Chuyên	TND002750	1	22.25	3.5	25.75
674	Nguyễn Thị	Khuyên	TDV015168	1	24.25	1.5	25.75
675	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	SPH012589	4	25.00	0.5	25.50
676	Đồng Thị	Mến	THP009447	2	24.50	1.0	25.50
677	Nhữ Thị Bích	Ngọc	HDT018096	2	24.00	1.5	25.50
678	Hứa Thị	Kiều	TND013056	2	22.00	3.5	25.50
679	Nguyễn Ngọc	Linh	LNH005340	2	24.00	1.5	25.50
680	Đoàn Thị Duyên	Yến	HDT030320	2	24.00	1.5	25.50
681	Nguyễn Thùy	Trang	THV013923	2	24.50	1.0	25.50
682	Trần Văn	Mạnh	KQH008961	2	25.00	0.5	25.50
683	Vi Thị	Hồng	TND009891	2	22.00	3.5	25.50
684	Nguyễn Thị Ly	Ly	TDV018365	2	22.00	3.5	25.50
685	Hà Thị	Hồng	HDT010045	2	24.50	1.0	25.50
686	Trương Mỹ	Hoa	DCN004139	2	25.00	0.5	25.50
687	Dương Thu	Thảo	TTB005843	2	24.00	1.5	25.50
688	Hà Thị Thùy	Viên	THV015191	2	22.00	3.5	25.50
689	Mai Thị	Hồng	HDT010113	2	24.50	1.0	25.50
690	Vũ Thị	Linh	HDT014998	2	24.50	1.0	25.50
691	Bùi Thị	Thảo	DCN010163	2	22.00	3.5	25.50
692	Cao Xuân	Hiền	THV004247	2	22.00	3.5	25.50
693	Đặng Thúy	Nga	TDV020350	2	25.00	0.5	25.50
694	Đặng Thị Tuyết	Mai	SPH010953	2	24.50	1.0	25.50
695	Lê Thị	Khuyên	HDT012824	2	24.50	1.0	25.50
696	Lê Thị Lan	Anh	HDT000630	2	24.50	1.0	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Trần Thị Thu	Hiền	HDT008644	2	24.00	1.5	25.50
698	Nông Thị	Phượng	TND020262	2	22.00	3.5	25.50
699	Hoàng Thị	Yến	YTB025705	2	24.50	1.0	25.50
700	Lê Thị	Xoan	TDV036623	2	24.00	1.5	25.50
701	Từ Thị	Lý	TDV018537	2	24.00	1.5	25.50
702	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013527	2	24.50	1.0	25.50
703	Lê Thị	Như	TDV022628	2	24.00	1.5	25.50
704	Trần Thị Thanh	Ngân	HDT017697	2	24.50	1.0	25.50
705	Trần Thị	Liên	TQU003045	2	24.00	1.5	25.50
706	Trần Thị	Huyền	TND011376	2	22.00	3.5	25.50
707	Lê Hồng	Khanh	LNH004740	2	25.00	0.5	25.50
708	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	HDT018427	2	24.00	1.5	25.50
709	Nguyễn Minh	Huế	SPH007105	2	24.50	1.0	25.50
710	Trịnh Vũ Ngân	Hà	TDV008083	2	25.00	0.5	25.50
711	Quách Thị Hương	Quỳnh	LNH007774	2	22.00	3.5	25.50
712	Trịnh Thùy	Dung	THV002131	2	24.00	1.5	25.50
713	Nguyễn Anh	Tuấn	THV014555	2	24.00	1.5	25.50
714	Hoàng Hải	Ngân	YTB015364	2	24.00	1.5	25.50
715	Hoàng Thị	Phùng	TQU004283	2	22.00	3.5	25.50
716	Bùi Thúy	Phượng	TND019710	2	22.00	3.5	25.50
717	Phượng Thị	Hảo	TND007201	2	22.00	3.5	25.50
718	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010125	2	24.50	1.0	25.50
719	Đào Khánh	Dương	TTB001330	2	24.00	1.5	25.50
720	Trương Thị Thu	Huyền	TQU002517	2	23.00	2.5	25.50
721	Lê Thị	ánh	TDV001723	2	24.00	1.5	25.50
722	Nguyễn Thị Kiều	Trang	THP015172	2	25.00	0.5	25.50
723	Phạm Quốc	Thịnh	LNH008892	2	23.00	2.5	25.50
724	Tần Thị	Thảo	THV012338	2	22.00	3.5	25.50
725	Vi Thị Thu	Trang	DCN012027	2	22.00	3.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Nguyễn Thị Thu	Hoài	LNH003577	2	22.00	3.5	25.50
727	Hoàng Văn	Ngọc	TQU003907	2	22.00	3.5	25.50
728	Bùi Ngọc	Lan	LNH004941	2	22.00	3.5	25.50
729	Đặng Thị Quỳnh	Anh	LNH000171	2	24.00	1.5	25.50
730	Nguyễn Thảo	Mai	THV008445	2	22.00	3.5	25.50
731	Lã Thị Diệu	Linh	LNH005291	2	24.00	1.5	25.50
732	Nguyễn Thị Thu	Hường	THP007284	2	25.00	0.5	25.50
733	Phạm Thị	Hương	TDV014479	2	25.00	0.5	25.50
734	Trần Thị	Ngân	TDV020864	2	24.00	1.5	25.50
735	Lê Như	Quỳnh	HDT021025	2	24.50	1.0	25.50
736	La Thị Ngọc	Châm	TND002101	2	22.00	3.5	25.50
737	Lê Thị	Dung	HDT003861	2	24.50	1.0	25.50
738	Trần Thị Lan	Hương	THV006324	2	24.00	1.5	25.50
739	Lê Thị	Loan	HDT015081	2	24.00	1.5	25.50
740	Vũ Thị	Trà	TND025993	2	24.00	1.5	25.50
741	Lương Ngọc	Anh	THV000308	2	24.00	1.5	25.50
742	Lò Văn	Thêm	TTB006079	2	22.00	3.5	25.50
743	Trần Thị Bích	Thùy	TND024739	2	22.00	3.5	25.50
744	Nguyễn Quốc	Tuấn	SPH018613	2	25.00	0.5	25.50
745	Lê Thị	Trang	HDT026600	2	22.00	3.5	25.50
746	Lê Thị	Kiều	DHU010029	2	25.00	0.5	25.50
747	Chế Thị	Nhung	TDV022280	2	25.00	0.5	25.50
748	Nguyễn Phương	Thảo	THV012229	2	25.00	0.5	25.50
749	Lý Ngọc	Linh	TND014313	1	22.00	3.5	25.50
750	Lưu Thị	Phượng	TDV023882	1	24.00	1.5	25.50
751	Ngô Thị Lan	Nhi	HVN007734	1	24.50	1.0	25.50
752	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	TND000657	1	24.00	1.5	25.50
753	Nguyễn Ngọc	Tú	TND027531	1	22.00	3.5	25.50
754	Đinh Thị	Duyên	TND004285	1	22.00	3.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Trần Thị Phương	Thảo	YTB019962	1	24.50	1.0	25.50
756	Nông Thị	Yến	TND030117	1	22.00	3.5	25.50
757	Quan Ngọc	Linh	TND014718	1	22.00	3.5	25.50
758	Đỗ Mai	Hương	KQH006575	1	25.00	0.5	25.50
759	Trần Thị	Phượng	HDT020275	1	24.50	1.0	25.50
760	Phạm Hồng	Thắm	THP013587	1	25.00	0.5	25.50
761	Lê Thị Khánh	Linh	TLA007808	1	25.00	0.5	25.50
762	Nguyễn Thị	Nga	DCN007834	1	25.00	0.5	25.50
763	Lưu Thanh	Hiền	HVN003386	1	25.00	0.5	25.50
764	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005323	1	24.00	1.5	25.50
765	Hoàng Văn	Tuấn	TQU006108	1	22.00	3.5	25.50
766	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	YTB006647	1	24.00	1.5	25.50
767	Quảng Thị	Kim	TTB003246	1	22.00	3.5	25.50
768	Lý Thúy	Mai	TND015966	1	22.00	3.5	25.50
769	Đoàn Thị Thùy	Dương	DHU003399	1	25.00	0.5	25.50
770	Trần Thị Thu	Hà	THV003630	1	25.00	0.5	25.50
771	Đỗ Thị	Thu	LNH008997	1	25.00	0.5	25.50
772	Lò Thị	Hiền	TTB002134	1	22.00	3.5	25.50
773	Đinh Thị Hà	Duyên	LNH001702	1	25.00	0.5	25.50
774	Trịnh Hồng	Trang	HHA014839	1	22.00	3.5	25.50
775	Lý Thị	Nường	TND019243	1	22.00	3.5	25.50
776	Đàm Thị Minh	Nguyệt	TND018334	1	22.00	3.5	25.50
777	Đặng Thị	Hiếu	HVN003641	1	24.50	1.0	25.50
778	Tạ Vũ Thu	Uyên	TTN022480	1	24.00	1.5	25.50
779	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	DCN000986	1	25.00	0.5	25.50
780	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	THV005855	1	25.00	0.5	25.50
781	Lê Thu	Hà	TTB001744	1	24.00	1.5	25.50
782	Nguyễn Thị Thu	Phượng	SPH013788	1	24.00	1.5	25.50
783	Bùi Thị	Nhớ	LNH006909	1	22.00	3.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Nguyễn Thị	Thu	TND024397	1	22.00	3.5	25.50
785	Vũ Thị Hồng	Ngát	BAK009239	1	24.50	1.0	25.50
786	Lê Hoàng	Anh	TDV000565	1	24.50	1.0	25.50
787	Hoàng Kim	Dung	TND003678	1	22.00	3.5	25.50
788	Trần Ngọc	Anh	TND001076	1	24.00	1.5	25.50
789	Mào Thị	Duyên	TTB001294	1	22.00	3.5	25.50
790	Doãn Thị Ngọc	ánh	SPH001707	1	25.00	0.5	25.50
791	Ngô Thị	Kiều	YTB011669	1	24.50	1.0	25.50
792	Hoàng Thị	Oanh	TND019305	1	22.00	3.5	25.50
793	Lương Hoài	Thu	THV012812	1	23.00	2.5	25.50
794	Trần Thị	Thương	TDV031227	1	24.00	1.5	25.50
795	Nguyễn Thị Thùy	Quyên	YTB018085	1	24.50	1.0	25.50
796	Nguyễn Hà	Phương	THV010472	1	24.00	1.5	25.50
797	Trần Thị Khánh	Hà	THV003625	1	24.00	1.5	25.50
798	Nguyễn Thị	Hạnh	HVN003027	1	25.00	0.5	25.50
799	Sinh Quốc	Toán	TQU005721	1	22.00	3.5	25.50
800	Nguyễn Thị Minh	Phương	TND019948	1	25.00	0.5	25.50
801	Hà Thị	Sinh	THV011337	1	22.00	3.5	25.50
802	Lò Văn	Nam	TTB004143	1	22.00	3.5	25.50
803	Vũ Thị Kim	Oanh	THP011225	1	25.00	0.5	25.50
804	Phan Hồng	Nhung	TDV022497	1	24.00	1.5	25.50
805	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	KQH012829	1	25.00	0.5	25.50
806	Nguyễn Thị	Hoa	YTB008243	1	24.50	1.0	25.50
807	Vàng Đức	Lương	THV008222	1	22.00	3.5	25.50
808	Sin Thị	Như	THV010003	1	22.00	3.5	25.50
809	Ngô Thị	Đào	HDT005142	2	24.25	1.0	25.25
810	Phạm Thị Thu	Huyền	THV005915	2	23.75	1.5	25.25
811	Lê Thị Hoài	Thương	TDV030972	2	24.25	1.0	25.25
812	Hoàng Văn	Mạc	TND015841	2	21.75	3.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Mai Thị	Trang	HDT026674	2	24.25	1.0	25.25
814	Nông Thị	Tuyết	THV014933	2	21.75	3.5	25.25
815	Dương Thị	Lương	TND015496	2	24.25	1.0	25.25
816	Hoàng Hải	Hiệp	TND008147	2	21.75	3.5	25.25
817	Lê Thị	Ngọc	HDT017949	2	24.75	0.5	25.25
818	Vũ Huy	Hoài	TND009220	2	23.75	1.5	25.25
819	Hà Kiều	Anh	THV000166	2	21.75	3.5	25.25
820	Dương Thị	Thương	TLA013548	2	24.25	1.0	25.25
821	Nguyễn Thị	Liên	HDT013667	2	24.25	1.0	25.25
822	Ngô Xuân	Trường	HVN011476	2	24.25	1.0	25.25
823	Hoàng Thị	Liên	TND013846	2	21.75	3.5	25.25
824	Đặng Thị Thùy	Linh	BKA007396	2	24.25	1.0	25.25
825	Thiếu Thị	Trình	HDT027451	2	24.75	0.5	25.25
826	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	THV013348	2	21.75	3.5	25.25
827	Nguyễn Thị	Thảo	THP013390	2	24.25	1.0	25.25
828	Đỗ Hoàng	Long	TND015069	2	23.75	1.5	25.25
829	Phan Thị Khuyên	Giang	TDV007432	2	23.25	2.0	25.25
830	Trần Thùy	Giang	HDT006459	2	24.25	1.0	25.25
831	Trần Thị ánh	Tuyết	DCN012864	2	24.25	1.0	25.25
832	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007419	2	21.75	3.5	25.25
833	Nguyễn Văn	Tuấn	TDV034886	2	21.75	3.5	25.25
834	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	TDV025559	2	24.75	0.5	25.25
835	Sái Kiều	Liên	TND013898	2	21.75	3.5	25.25
836	Ma Thị Thùy	Trang	TQU005826	2	21.75	3.5	25.25
837	Nguyễn Đình	Tiến	DCN011427	2	24.25	1.0	25.25
838	Hoàng Thị Thanh	Huyền	HDT011326	2	24.25	1.0	25.25
839	Kiều Thị Huyền	Trang	KQH014436	2	24.75	0.5	25.25
840	Nông Minh	Trang	TND026618	2	21.75	3.5	25.25
841	Lê Thị Mỹ	Hạnh	HDT007525	2	23.75	1.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Nguyễn Thị	Dương	DCN002123	2	21.75	3.5	25.25
843	Hồ Thị Quỳnh	Anh	DHU000256	2	24.75	0.5	25.25
844	Ma Hoài	Thương	TND025339	2	21.75	3.5	25.25
845	Trần Hồng	Nhung	YTB016506	2	24.25	1.0	25.25
846	Trần Thị Thảo	Vy	HHA016431	2	23.75	1.5	25.25
847	Nguyễn Thị Thanh	Thương	HHA014060	2	24.25	1.0	25.25
848	Đinh Thị	Hảo	TND007146	2	21.75	3.5	25.25
849	Lò Văn	Thượng	THV013337	2	21.75	3.5	25.25
850	Hoàng Thị Phụng	Uyên	DCN012920	2	21.75	3.5	25.25
851	Cần Thị	Huyền	DCN004875	2	24.75	0.5	25.25
852	Vũ Thị	Anh	THP000937	2	24.75	0.5	25.25
853	Cao Thị	Xuyến	TND029846	2	21.75	3.5	25.25
854	Lô Thị	Hoa	TND008738	2	21.75	3.5	25.25
855	Nguyễn Thảo	Phương	THV010522	2	23.75	1.5	25.25
856	Đỗ Thị Khánh	Linh	KQH007726	2	24.75	0.5	25.25
857	Hà Thị	Hoa	LNH003408	2	21.75	3.5	25.25
858	Hà Văn	Long	HDT015212	2	21.75	3.5	25.25
859	Nguyễn Thị Tú	Quyên	HDT020820	2	24.25	1.0	25.25
860	Nguyễn Thị	Thêm	SPH016048	2	24.75	0.5	25.25
861	Nguyễn Thị Phương	Thảo	HDT023274	2	23.75	1.5	25.25
862	Mai Đình	Thành	HDT022834	2	24.25	1.0	25.25
863	Ma Thị	Huế	TND010086	2	21.75	3.5	25.25
864	Nguyễn Khánh	Huyền	TND011177	2	21.75	3.5	25.25
865	Hoàng Thị Tâm	Anh	TDV000510	2	24.75	0.5	25.25
866	Lê Thị	Thùy	SPH016490	2	24.75	0.5	25.25
867	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000602	2	24.25	1.0	25.25
868	Nguyễn Minh	Thúy	THV013150	2	23.75	1.5	25.25
869	Phạm Thị Thu	Thảo	TND023291	1	21.75	3.5	25.25
870	Nguyễn Thu	Trang	THP015302	1	24.75	0.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
871	Lê Thị Hương	Giang	KQH003353	1	24.75	0.5	25.25
872	Cứ A	Chở	TTB000672	1	21.75	3.5	25.25
873	Giàng A	Phong	TTB004767	1	21.75	3.5	25.25
874	Nguyễn Minh	Thương	TLA013559	1	24.25	1.0	25.25
875	Hứa Thị	Tươi	TND028723	1	21.75	3.5	25.25
876	Lê Thị Ngọc	Dung	HDT003878	1	24.75	0.5	25.25
877	Phan Thị	Thơm	TDV029728	1	23.75	1.5	25.25
878	Nguyễn Như	Quỳnh	HDT021148	1	23.75	1.5	25.25
879	Nguyễn Thị Thu	Hoài	SPH006705	1	23.75	1.5	25.25
880	Phạm Thị Mỹ	Linh	DCN006549	1	21.75	3.5	25.25
881	Lương Trần Linh	Chi	TND002248	1	21.75	3.5	25.25
882	Hoàng Thị	ánh	TQU000266	1	21.75	3.5	25.25
883	Bùi Thị Quỳnh	Hương	DCN005243	1	21.75	3.5	25.25
884	Đoạn Thị Kiều	Diễm	DHU002615	1	23.75	1.5	25.25
885	Trịnh Thị Nguyên	Hạnh	THV003932	1	23.75	1.5	25.25
886	Đỗ Thị	Linh	TND014063	1	23.75	1.5	25.25
887	Nguyễn Bá Minh	Tú	THV014386	1	23.75	1.5	25.25
888	Vũ Văn	Linh	KQH008144	1	24.75	0.5	25.25
889	Nguyễn Thị	Trang	DCN011908	1	24.75	0.5	25.25
890	Doãn Hải	Châu	SPH002225	1	24.25	1.0	25.25
891	Nguyễn Phương	Thảo	THP013353	1	24.75	0.5	25.25
892	Lèo Huyền	Trang	DCN011720	1	21.75	3.5	25.25
893	Ngân Thu	Huyền	TTB002818	1	21.75	3.5	25.25
894	Đoàn Thị	Tuyết	HDT029039	1	24.25	1.0	25.25
895	Hà Thị Hồng	Minh	THV008686	1	21.75	3.5	25.25
896	Đặng Thị Hương	Thảo	DCN010194	1	21.75	3.5	25.25
897	Phan Thị	Nga	HDT017490	1	23.75	1.5	25.25
898	Lưu Thị Thuý	Trang	TND026328	1	21.75	3.5	25.25
899	Đinh Thị	Vân	HHA016046	1	23.75	1.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
900	Vi Thị	Nga	HHA009783	1	21.75	3.5	25.25
901	Luân Thị	Thùy	TND024692	1	21.75	3.5	25.25
902	Nguyễn Phương	Thảo	HDT023264	1	24.75	0.5	25.25
903	Nông Thị Thùy	Linh	TND014645	1	21.75	3.5	25.25
904	Bùi Thị Phương	Thảo	LNH008421	1	21.75	3.5	25.25
905	Vũ Mỹ	Hoa	YTB008336	1	24.25	1.0	25.25
906	Nông Thị Mai	Chi	TND002289	1	21.75	3.5	25.25
907	Điêu Thị	Quỳnh	THV011039	1	21.75	3.5	25.25
908	Bùi Thị	Thắm	LNH008646	1	21.75	3.5	25.25
909	Nguyễn Văn	An	THV000033	1	21.75	3.5	25.25
910	Trịnh Thị	Nga	HDT017547	1	24.25	1.0	25.25
911	Nguyễn Thị	Sen	TND021397	1	23.75	1.5	25.25
912	Nguyễn Thị Thanh	Nga	THV009159	1	21.75	3.5	25.25
913	Phan Quốc	Anh	TDV001254	1	23.75	1.5	25.25
914	Nguyễn Thị Thanh	Lộc	KHA006173	1	24.75	0.5	25.25
915	Nguyễn Thị Trà	My	TDV019605	1	24.75	0.5	25.25
916	Trần Thị	Thơ	TDV029629	1	24.25	1.0	25.25
917	Hoàng Văn	Hưởng	DCN005558	2	21.50	3.5	25.00
918	Lê Thị	Dung	HDT003867	2	24.00	1.0	25.00
919	Giàng A	Sênh	THV011312	2	21.50	3.5	25.00
920	Hoàng Thị	Vân	TND029059	2	21.50	3.5	25.00
921	Mai Thị	Thảo	HDT023246	2	24.00	1.0	25.00
922	Hoàng Thị	Thương	TND025317	2	21.50	3.5	25.00
923	Hoàng Thị	Huyền	THV005749	2	23.50	1.5	25.00
924	Trịnh Thị Lan	Tường	HDT029259	2	23.50	1.5	25.00
925	Đặng Đình	Tuấn	TDV034566	2	23.50	1.5	25.00
926	Ngô Thị	Duyên	TDV005300	2	23.50	1.5	25.00
927	Vũ Thị Tuyết	Băng	TND001635	2	23.50	1.5	25.00
928	Phạm Thị Thùy	Dương	TDV005655	2	23.50	1.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
929	Nông Thu	Hà	TND006410	2	21.50	3.5	25.00
930	Nông Quỳnh	Hương	TND011964	2	21.50	3.5	25.00
931	Lê Thị Thu	Mơ	TDV019479	2	24.50	0.5	25.00
932	Hồ Thị Minh	Nguyệt	TTB004473	2	23.50	1.5	25.00
933	Nguyễn Thị	Hương	TDV014388	2	24.50	0.5	25.00
934	Trần Thị Thu	Uyên	TDV035624	2	23.50	1.5	25.00
935	Vũ Thị	Liên	YTB012306	2	24.00	1.0	25.00
936	Nguyễn Thị Việt	Phương	THP011646	2	24.50	0.5	25.00
937	Phạm Việt	Hoa	TTB002337	2	23.50	1.5	25.00
938	Nguyễn Thị	Hiền	KHA003756	2	24.00	1.0	25.00
939	Đào Thị	Hà	TDV007591	2	23.50	1.5	25.00
940	Nguyễn Phương	Anh	THV000400	2	24.50	0.5	25.00
941	Phạm Thị	Linh	HDT014743	2	24.00	1.0	25.00
942	Nguyễn Thị	Tú	HDT027963	2	23.50	1.5	25.00
943	Trần Thị	Kiều	HDT013015	2	23.50	1.5	25.00
944	Vũ Thị Thu	Hoài	TND009223	2	23.50	1.5	25.00
945	Vũ Thị Lan	Anh	DCN000749	2	24.00	1.0	25.00
946	Vương Thị	Quế	TDV024851	2	24.00	1.0	25.00
947	Nguyễn Thị	Hoàn	TDV011571	2	23.50	1.5	25.00
948	Thào A	Mếnh	DCN007325	2	22.50	2.5	25.00
949	Hà Thị	My	LNH006229	2	21.50	3.5	25.00
950	Trần Hồng	Hạnh	TTB001945	2	23.50	1.5	25.00
951	Bùi Thị	Thương	THV013261	2	23.50	1.5	25.00
952	Lê Văn	Bắc	TND001595	2	21.50	3.5	25.00
953	Nguyễn Thị Thành	Vi	DHU026884	2	24.50	0.5	25.00
954	Phan Thị	Sương	TDV026577	2	23.50	1.5	25.00
955	Nguyễn Thị Thanh	Mai	THP009250	2	24.00	1.0	25.00
956	Vũ Thị Kim	Khánh	YTB011385	2	24.50	0.5	25.00
957	Lê Thị	Huyền	HDT011361	2	21.50	3.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
958	Lường Thị	Nguyệt	TTB004479	2	21.50	3.5	25.00
959	Hoàng Thị Huyền	Trang	HDT026366	2	24.00	1.0	25.00
960	Lê Thị	Dung	HDT003850	2	24.00	1.0	25.00
961	Bùi Hồng	Nhâm	LNH006858	2	21.50	3.5	25.00
962	Vũ Thị	Dương	THP002855	2	24.50	0.5	25.00
963	Lê Thị Hương	Quỳnh	TDV025388	2	23.50	1.5	25.00
964	Lộc Thị	Lệ	TND013691	2	21.50	3.5	25.00
965	Trương Thị Huyền	Thương	TDV031245	2	24.00	1.0	25.00
966	Giàng Thị	Vĩ	TQU006452	2	21.50	3.5	25.00
967	Nguyễn Thị Thu	Hiền	SPH005941	2	24.50	0.5	25.00
968	Nguyễn Thị Nhật	Huệ	TND010280	1	21.50	3.5	25.00
969	Nông Thị	Gấm	TND005751	1	21.50	3.5	25.00
970	Lương Thị Hải	Yến	TND030008	1	21.50	3.5	25.00
971	Trịnh Thu	Hà	THV003643	1	23.50	1.5	25.00
972	Cà Thị	Quyên	TTB005106	1	21.50	3.5	25.00
973	Vũ Mạnh	Quyên	KQH011483	1	24.50	0.5	25.00
974	Lò Thị	Hương	TTB002956	1	21.50	3.5	25.00
975	Hoàng Thạch	Thảo	TND022963	1	21.50	3.5	25.00
976	Nùng Thị	Hằng	THV004113	1	21.50	3.5	25.00
977	Đặng Thị	Anh	TND000264	1	23.50	1.5	25.00
978	Triệu Thị	Ngát	TND017510	1	21.50	3.5	25.00
979	Vàng Thị	Thủy	THV013091	1	21.50	3.5	25.00
980	Nguyễn Thanh	Tùng	THP016190	1	24.50	0.5	25.00
981	Nguyễn Khánh	Ly	DCN007020	1	24.50	0.5	25.00
982	Ma ánh	Tuyết	TQU006316	1	21.50	3.5	25.00
983	Triệu Thị	Trang	TQU005901	1	21.50	3.5	25.00
984	Lê Tiến	Thành	TND022612	1	24.50	0.5	25.00
985	Bùi Thị	Thêu	TTB006089	1	21.50	3.5	25.00
986	Vi Thị	Phương	TND020123	1	21.50	3.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
987	Lê Tố	Anh	HDT000593	1	24.50	0.5	25.00
988	Lý San	Mấy	DCN007320	1	21.50	3.5	25.00
989	Ngọc Khánh	Chung	TQU000561	1	21.50	3.5	25.00
990	Bùi Kim	Lũy	TLA008669	1	24.50	0.5	25.00
991	Phạm Lan	Anh	HDT001361	1	24.00	1.0	25.00
992	Trần Thị Thu	Uyên	THP016510	1	24.50	0.5	25.00
993	Đỗ Tiến	Dũng	TQU000878	1	23.50	1.5	25.00
994	Đỗ Mạnh	Khánh	DCN005638	1	24.50	0.5	25.00
995	Hoàng Minh	Ngọc	TND017928	1	21.50	3.5	25.00
996	Liêu Thị	Linh	DCN006316	1	21.50	3.5	25.00
997	Đinh Thị Hải	Yến	TND029937	1	21.50	3.5	25.00
998	Đỗ Thị	Mặn	SPH011222	1	24.00	1.0	25.00
999	Võ Thị Hồng	Trang	HHA014848	1	24.50	0.5	25.00
1000	Nguyễn Thu	Hằng	TDV009304	1	24.00	1.0	25.00
1001	Mai Thị	Chiêm	TND002346	1	21.50	3.5	25.00
1002	Nguyễn Thị	Hạc	TND006551	1	21.50	3.5	25.00
1003	Nguyễn Thị ánh	Trà	TDV031914	1	24.50	0.5	25.00
1004	Nguyễn Huy	Phong	DCN008689	1	24.50	0.5	25.00
1005	Lưu Thị	Dịu	HVN001568	1	24.00	1.0	25.00
1006	Lê Nguyễn Hương	Ly	HDT015751	1	23.50	1.5	25.00
1007	Nguyễn Vũ Thiều	Hoa	THP005353	1	24.50	0.5	25.00
1008	Nông Thị	Hợp	TND009923	1	21.50	3.5	25.00
1009	Giàng Thị	Cúc	TTB000864	1	21.50	3.5	25.00
1010	Phan Thị	Trình	TTB006890	1	23.50	1.5	25.00
1011	Hoàng Tiến	Duân	TND003623	1	21.50	3.5	25.00
1012	Sùng A	Gia	TTB001626	1	21.50	3.5	25.00
1013	Mùa A	Seng	TND021407	1	21.50	3.5	25.00
1014	Hoàng Thị	Huệ	TND010181	1	21.50	3.5	25.00
1015	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012538	1	24.50	0.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1016	Lã Thu	Thủy	TQU005458	1	21.50	3.5	25.00
1017	Đinh Thị Huyền	Trang	HDT026280	1	23.50	1.5	25.00
1018	Vũ Thị Hồng	Hạnh	TND007096	1	24.50	0.5	25.00
1019	Ly Thị	Mỹ	TTB004096	1	21.50	3.5	25.00
1020	Lê Thị Thu	Thủy	HDT024911	1	24.00	1.0	25.00
1021	Chu Thị Kim	Chi	TND002199	1	23.50	1.5	25.00
1022	Nguyễn Nga	Quỳnh	THV011106	1	21.50	3.5	25.00
1023	Trần Thị Cẩm	Tú	TND027605	1	21.50	3.5	25.00
1024	Phùng Thị	Mai	TND016070	1	21.50	3.5	25.00
1025	Ngô Thị	Huyền	SPH007796	1	24.50	0.5	25.00
1026	Mộc Văn	Chinh	THV001405	1	21.50	3.5	25.00
1027	Lê Ngọc	Linh	TND014253	2	21.25	3.5	24.75
1028	Phan Thị	Ngọc	TDV021352	2	23.75	1.0	24.75
1029	Bàn Thị	Thủy	THV012988	2	21.25	3.5	24.75
1030	Liêng Thị	Mai	THV008399	2	21.25	3.5	24.75
1031	Vương Thị	Nụ	KQH010483	2	24.25	0.5	24.75
1032	Phạm Thị	Hằng	TDV009352	2	23.75	1.0	24.75
1033	Quách Xương	Trang	HDT027109	2	21.25	3.5	24.75
1034	Trần Quỳnh Anh	Thư	THV013233	2	21.25	3.5	24.75
1035	Lò Thạc	Khuê	THV006689	2	21.25	3.5	24.75
1036	Võ Tiến	Đạt	TDV006201	2	23.75	1.0	24.75
1037	Nguyễn Tuấn	Cương	THP001861	2	23.75	1.0	24.75
1038	Phạm Thị	Giang	HDT006422	2	23.25	1.5	24.75
1039	Nguyễn Thị Hoài	Thu	LNH009019	2	21.25	3.5	24.75
1040	Lò Thị	Trang	TTB006763	2	21.25	3.5	24.75
1041	Hoàng Thu	Giang	KQH003341	2	24.25	0.5	24.75
1042	Nguyễn Thị	Loan	TQU003320	2	23.25	1.5	24.75
1043	Đinh Minh	Đức	KQH003135	2	24.25	0.5	24.75
1044	Hoàng Thanh	Thương	TND025321	2	21.25	3.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1045	Ma Thị Hương	Thảo	KQH012589	2	21.25	3.5	24.75
1046	Bùi Thị Hà	Ninh	LNH007046	2	21.25	3.5	24.75
1047	Doãn Thị	Tĩnh	TDV031596	2	23.25	1.5	24.75
1048	Đàm Thị	Luyện	TND015430	2	21.25	3.5	24.75
1049	Nguyễn Thị	Hoài	HDT009611	2	23.75	1.0	24.75
1050	Cao Thị	Trang	SPH017281	2	23.75	1.0	24.75
1051	Hoàng Thị	Lam	TDV015475	2	23.25	1.5	24.75
1052	Nguyễn Phương	Mai	TDV018665	2	24.25	0.5	24.75
1053	Lương Hoài	Thương	TDV031000	2	21.25	3.5	24.75
1054	Nguyễn Thị	Thúy	TQU005508	2	23.25	1.5	24.75
1055	Lý Thị	Hiền	KQH004530	2	21.25	3.5	24.75
1056	Lý Thị	Hạnh	TND006945	2	21.25	3.5	24.75
1057	Bế Thị	Định	TND005206	2	21.25	3.5	24.75
1058	Phạm Thị Hương	Giang	LNH002395	2	23.25	1.5	24.75
1059	Trần Thị Kim	Dung	SPH003118	2	21.25	3.5	24.75
1060	Hoàng Thị Lan	Anh	SPH000413	2	23.75	1.0	24.75
1061	Bùi Thị Thanh	Thủy	HDT024852	2	24.25	0.5	24.75
1062	Hồ Thị Diễm	Quỳnh	DHU018958	2	23.25	1.5	24.75
1063	Phan Thanh	Xuân	DCN013341	2	23.75	1.0	24.75
1064	Tạ Thị	Vương	THV015409	2	22.25	2.5	24.75
1065	Nguyễn Thị	Liên	TQU003036	2	23.25	1.5	24.75
1066	Ngô Thị	Ngọc	THP010353	2	24.25	0.5	24.75
1067	Lương Văn	Cảnh	TND002000	2	21.25	3.5	24.75
1068	Quan Thị	Vân	TQU006433	2	21.25	3.5	24.75
1069	Nguyễn Nhã	Đồng	TDV006478	2	23.75	1.0	24.75
1070	Nguyễn Thị	Hiếu	TDV010525	2	23.75	1.0	24.75
1071	Nguyễn Thị	Tuyết	SPH019067	2	23.25	1.5	24.75
1072	Đào Thị	Trang	HHA014453	2	23.25	1.5	24.75
1073	Bùi Thị	Dung	HDT003743	2	23.75	1.0	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1074	Phạm Như	Quỳnh	THV011168	2	23.25	1.5	24.75
1075	Phan Thùy	Linh	HDT014687	2	23.25	1.5	24.75
1076	Hoàng Ngọc	Luyến	TND015391	2	21.25	3.5	24.75
1077	Phạm Hữu	Tuyền	THP016305	2	23.75	1.0	24.75
1078	Đặng Thị	Luyến	TQU003405	2	23.25	1.5	24.75
1079	Lý Thị	Quỳnh	THV011097	2	21.25	3.5	24.75
1080	Hồ Sỹ Sơn	Anh	TDV000438	2	23.25	1.5	24.75
1081	Ma Thị	Thu	TQU005363	2	21.25	3.5	24.75
1082	Hoàng Thị	Tư	DCN012871	2	21.25	3.5	24.75
1083	Trần Thị	Nhi	TDV022214	1	23.75	1.0	24.75
1084	Lý Mùi	Chuồng	TND002712	1	21.25	3.5	24.75
1085	Tăng Thị	Chang	THP001430	1	23.75	1.0	24.75
1086	Trần Thị	Phượng	HHA011396	1	21.25	3.5	24.75
1087	Đỗ Phương	Anh	TND000180	1	23.25	1.5	24.75
1088	Nguyễn Thị	Đoan	TLA003464	1	24.25	0.5	24.75
1089	Nguyễn Khánh	Ly	TLA008787	1	23.75	1.0	24.75
1090	Bùi Thị	Lợi	LNH005694	1	21.25	3.5	24.75
1091	Hà Thị	Chinh	HDT002718	1	23.25	1.5	24.75
1092	Chu Văn	Tường	HHA015923	1	21.25	3.5	24.75
1093	Trương Thị	Trang	KQH014797	1	24.25	0.5	24.75
1094	Nguyễn Thị	Hiền	SPH005915	1	23.75	1.0	24.75
1095	Hà Văn	Thắm	HDT023531	1	21.25	3.5	24.75
1096	Hoàng Thị	Dung	TND003690	1	21.25	3.5	24.75
1097	Hoàng Thị	Lan	TND013263	1	21.25	3.5	24.75
1098	Trần Thanh	Loan	TQU003332	1	23.25	1.5	24.75
1099	Hà Thị	Nga	TND017303	1	21.25	3.5	24.75
1100	Nguyễn Thị	Trang	TLA014161	1	24.25	0.5	24.75
1101	Trần Thị	Hoàn	YTB008625	1	23.75	1.0	24.75
1102	Chêo A	Pháy	DCN008660	1	21.25	3.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1103	Đinh Thị Như	Quỳnh	THV011045	1	21.25	3.5	24.75
1104	Từ Thị	Tuyến	TND028584	1	23.25	1.5	24.75
1105	Phan Thị Hoa	Chanh	DHU001723	1	23.25	1.5	24.75
1106	Hoàng Thị	Hoan	TND009238	1	21.25	3.5	24.75
1107	Nguyễn Thị Tú	Linh	HDT014599	1	23.75	1.0	24.75
1108	Phùng Thị Ngọc	ánh	THV000842	1	23.25	1.5	24.75
1109	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	YTB018329	1	23.75	1.0	24.75
1110	Mã Thị Mỹ	Hạnh	DCN003183	1	21.25	3.5	24.75
1111	Trần Thị Vân	Anh	DCN000700	1	24.25	0.5	24.75
1112	Nông Thị	Tình	TND025686	1	21.25	3.5	24.75
1113	Nguyễn Văn	Tuấn	THV014633	1	23.25	1.5	24.75
1114	Phan Thị	Hoài	TDV011412	1	23.75	1.0	24.75
1115	Nguyễn Hồng	Hạnh	TND006971	1	23.25	1.5	24.75
1116	Nguyễn Thị Thu	Hằng	THV004072	1	23.25	1.5	24.75
1117	Đinh Thị	Dự	TQU001020	1	21.25	3.5	24.75
1118	Phan Thị Hà	My	DHU013378	1	23.75	1.0	24.75
1119	Phàn Mấy	Lẫy	DCN005972	1	21.25	3.5	24.75
1120	Phan Lê Minh	Phương	TDV024090	1	24.25	0.5	24.75
1121	Ngô Thị	Oánh	YTB016855	1	23.75	1.0	24.75
1122	Nguyễn Thị	Liên	HDT013651	1	23.75	1.0	24.75
1123	Hà Thanh	Huyền	TLA006252	1	23.75	1.0	24.75
1124	Dương Thanh	Nhiệm	TND018724	1	21.25	3.5	24.75
1125	Nguyễn Thị	Thật	DCN010540	1	24.25	0.5	24.75
1126	Kiều Thu	Hiền	TLA004792	1	24.25	0.5	24.75
1127	Ngô Thị	Ngọc	THP010352	1	23.75	1.0	24.75
1128	Nguyễn Thị	Huyền	TLA006328	1	23.75	1.0	24.75
1129	Nông Thị	Ngân	TND017616	1	21.25	3.5	24.75
1130	Nông Thị Yến	Nhi	TND018706	1	21.25	3.5	24.75
1131	Trần Thị Vân	Anh	TND001122	1	24.25	0.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1132	Hoàng Mạnh	Thưởng	THV013330	1	23.25	1.5	24.75
1133	Đinh Thị	Khuyên	YTB011484	1	23.75	1.0	24.75
1134	Phùng Thị	Phượng	TND020269	1	21.25	3.5	24.75
1135	Đào Quang	Anh	TLA000247	1	24.75		24.75
1136	Đinh Ngọc	Quỳnh	THV011041	1	23.25	1.5	24.75
1137	Trần Thị Nguyệt	Trang	YTB023117	1	24.25	0.5	24.75
1138	Nguyễn Thị	Nhường	THP011027	1	24.25	0.5	24.75
1139	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	THV014929	1	23.25	1.5	24.75
1140	Đỗ Thị	Thúy	DCN011126	1	24.25	0.5	24.75
1141	Hoàng Thị	Lương	TND015509	2	21.00	3.5	24.50
1142	Nguyễn Thị Huyền	Trang	THV013818	2	23.50	1.0	24.50
1143	Cao Thị Thanh	Hòa	TND008902	2	21.00	3.5	24.50
1144	Cao Mai	Quỳnh	TDV025286	2	23.50	1.0	24.50
1145	Nguyễn Thị	Huế	THP005962	2	23.50	1.0	24.50
1146	Phạm Thị Thuỳ	Linh	TDV017190	2	23.50	1.0	24.50
1147	Cù Thu	Thủy	TQU005449	2	23.00	1.5	24.50
1148	Hoàng Kim	Anh	HDT000411	2	23.50	1.0	24.50
1149	Trương Thị	Hoa	HDT009348	2	23.50	1.0	24.50
1150	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	THV014097	2	23.00	1.5	24.50
1151	Vũ Thị Thúy	Hằng	SPH005765	2	23.00	1.5	24.50
1152	Trần Thái	Bảo	SPH001971	2	24.50		24.50
1153	Phạm Xuân	Đức	YTB005418	2	23.50	1.0	24.50
1154	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010107	2	24.00	0.5	24.50
1155	Hoàng Thùy	Trang	THV013728	2	21.00	3.5	24.50
1156	Lò Thị	Lan	TTB003310	2	21.00	3.5	24.50
1157	Nguyễn Thị	Hường	LNH004641	2	23.00	1.5	24.50
1158	Trần Thị Huyền	Trang	TND026732	2	21.00	3.5	24.50
1159	Chu Thị	Chiều	TND002443	2	21.00	3.5	24.50
1160	Lê Thị Huyền	Trang	THV013747	2	21.00	3.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1161	Vũ Thị Yến	Chi	SPH002462	2	23.00	1.5	24.50
1162	Vũ Thị Hồng	Nhung	HDT019034	2	23.00	1.5	24.50
1163	Nguyễn Thị	Tuân	TQU006088	2	21.00	3.5	24.50
1164	Hoàng Thị Thu	Uyên	HDT029318	2	23.00	1.5	24.50
1165	Lê Thị Thúy	Vân	KHA011485	2	23.50	1.0	24.50
1166	Lương Thị	Linh	HDT014285	2	23.00	1.5	24.50
1167	Nguyễn Thị	Huyền	THP006557	2	23.50	1.0	24.50
1168	Lê Thị	Hường	HDT012462	2	23.50	1.0	24.50
1169	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	2	23.00	1.5	24.50
1170	Phạm Thu	Quỳnh	NLS010200	2	21.00	3.5	24.50
1171	Trịnh Bích	Phương	TND020116	2	23.00	1.5	24.50
1172	Dương A	Giàng	TND006057	2	21.00	3.5	24.50
1173	Nguyễn Thị Mai	Trang	TLA014103	2	24.00	0.5	24.50
1174	Nguyễn Minh	Thành	TDV027706	2	24.00	0.5	24.50
1175	Trần Thị Mỹ	Hoa	SPH006592	2	23.50	1.0	24.50
1176	Trần Thị	Hiền	THP004893	2	23.50	1.0	24.50
1177	Phạm Nhật	Tú	TDV034407	2	23.50	1.0	24.50
1178	Lương Kim	Hoàn	TND009285	2	21.00	3.5	24.50
1179	Hà Thị	Phương	TTB004860	2	21.00	3.5	24.50
1180	Nguyễn Thị	Thủy	TQU005470	2	23.00	1.5	24.50
1181	Nguyễn Thị	Tình	HDT025944	2	23.00	1.5	24.50
1182	Nguyễn Mạnh	Cường	TND003195	2	24.00	0.5	24.50
1183	Nguyễn Thị	Thanh	HDT022629	2	22.50	2.0	24.50
1184	Đào Thị	Thúy	TND024976	2	23.00	1.5	24.50
1185	Đinh Thị	Thương	TDV030929	2	23.00	1.5	24.50
1186	Lương Thị	Thảo	LNH008490	2	21.00	3.5	24.50
1187	Nguyễn Thị	Lý	HDT015874	2	23.50	1.0	24.50
1188	Nguyễn Thị	Quỳnh	THV011145	2	23.00	1.5	24.50
1189	Nguyễn Thị	Kim	HDT013022	2	23.50	1.0	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1190	Lương Thị	Thắm	TTB005973	2	21.00	3.5	24.50
1191	Đoàn Thị Hồng	Ly	YTB013807	2	24.00	0.5	24.50
1192	Nguyễn Thị Hương	Lan	TND013312	2	24.00	0.5	24.50
1193	Triệu Thị	Diệu	TND003543	2	21.00	3.5	24.50
1194	Nguyễn Thị	Chinh	THP001631	2	23.00	1.5	24.50
1195	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	TDV021203	2	23.00	1.5	24.50
1196	Ngô Thị Lan	Phượng	DHU017849	2	24.00	0.5	24.50
1197	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	LNH006980	2	23.00	1.5	24.50
1198	Hà Thị	Phượng	HDT020179	2	21.00	3.5	24.50
1199	Hứa Hoàng	Vinh	TND029381	1	21.00	3.5	24.50
1200	Nguyễn Tuấn	Bình	HDT002238	1	21.00	3.5	24.50
1201	Lò Thị	Thanh	TTB005665	1	21.00	3.5	24.50
1202	Trần Tú	Trình	SPK014572	1	23.00	1.5	24.50
1203	Trần Thị	Hoài	HDT009635	1	21.00	3.5	24.50
1204	Hà Thị Thu	Thuỷ	THP014201	1	23.50	1.0	24.50
1205	Đặng Mạnh	Hùng	TQU002264	1	23.00	1.5	24.50
1206	Dương Phước	Sang	SPH014607	1	24.00	0.5	24.50
1207	Đào Huyền	My	TND016779	1	24.00	0.5	24.50
1208	Lò Thị	Thanh	TTB005662	1	21.00	3.5	24.50
1209	Pờ Gia	Pớ	TTB004995	1	21.00	3.5	24.50
1210	Triệu Thị	Duyên	TND004397	1	21.00	3.5	24.50
1211	Quàng Văn	Tùng	TTB007245	1	21.00	3.5	24.50
1212	Ma Thị	Hà	THV003498	1	21.00	3.5	24.50
1213	Lường Thị	Huế	TTB002618	1	21.00	3.5	24.50
1214	Nguyễn Thị Vân	Anh	THV000498	1	23.00	1.5	24.50
1215	Lý Thị	Như	KQH010417	1	21.00	3.5	24.50
1216	Giàng Văn	Tư	TQU006328	1	21.00	3.5	24.50
1217	Chầu Thị	Ly	TQU003450	1	21.00	3.5	24.50
1218	Nguyễn Thị	Hiền	TLA004834	1	24.00	0.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1219	Lý Thị	Ghến	THV003174	1	21.00	3.5	24.50
1220	Nông Thị	Lan	TND013372	1	21.00	3.5	24.50
1221	Lộc Thị Lan	Anh	TND000445	1	21.00	3.5	24.50
1222	Đào Thị	Thu	THP014025	1	23.50	1.0	24.50
1223	Nguyễn Thị	Hoa	TND008785	1	23.00	1.5	24.50
1224	Đỗ Thị	Lương	YTB013712	1	23.50	1.0	24.50
1225	Nguyễn Thanh	Hoa	THV004768	1	23.00	1.5	24.50
1226	Giàng Thị	Và	TND028973	1	21.00	3.5	24.50
1227	Đặng Hà	Dựng	TQU001033	1	21.00	3.5	24.50
1228	Tô Thị	Thương	NLS012636	1	23.00	1.5	24.50
1229	Trương Thúy	Nga	SPH012233	1	24.00	0.5	24.50
1230	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TDV028137	1	24.00	0.5	24.50
1231	Nguyễn Thu	Thủy	THV013060	1	23.00	1.5	24.50
1232	Nguyễn Đình	Đức	HHA003286	1	24.00	0.5	24.50
1233	Lường Văn	Cường	TTB000924	1	21.00	3.5	24.50
1234	Đặng Thị Huyền	Trang	TQU005775	1	23.00	1.5	24.50
1235	Nguyễn Thị	Diệp	THP002082	1	23.50	1.0	24.50
1236	Nguyễn Thị Hà	Trang	DCN011779	1	21.00	3.5	24.50
1237	Lương Thị	Nhinh	YTB016281	1	23.50	1.0	24.50
1238	Vi Thị	Hảo	TDV008884	1	21.00	3.5	24.50
1239	Hà Thị Hoài	Hiên	THV004233	1	21.00	3.5	24.50
1240	Phùng Thị	Thảo	TND023301	1	21.00	3.5	24.50
1241	Lê Thị Khánh	Linh	HDT014099	1	23.50	1.0	24.50
1242	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	TND014527	1	24.00	0.5	24.50
1243	Doãn Thị	Niềm	TND019123	1	23.50	1.0	24.50
1244	Triệu Ngọc	Chiến	TQU000481	1	21.00	3.5	24.50
1245	Lò Thị	Hằng	TTB002023	1	21.00	3.5	24.50
1246	Trần Thị Mỹ	Linh	THV007782	1	21.00	3.5	24.50
1247	Hoàng Kim	Phú	TND019597	1	21.00	3.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

Trang 44

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1248	Bùi Văn	Nghiệp	YTB015529	1	23.50	1.0	24.50
1249	Nguyễn Thị Thanh	Lam	THV006858	1	23.00	1.5	24.50
1250	Vũ Thị	Hương	THP007210	1	24.00	0.5	24.50
1251	Lê Thị ánh	Trình	HDT027415	1	23.00	1.5	24.50
1252	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	TDV000980	1	24.00	0.5	24.50
1253	Triệu Mùi	Ten	TND022246	1	21.00	3.5	24.50
1254	Nguyễn Thị	Thùy	TND024717	1	21.00	3.5	24.50
1255	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	1	21.00	3.5	24.50
1256	Nguyễn Thị	Phong	SPH013406	1	24.00	0.5	24.50
1257	Nguyễn Thị	Hằng	SPH005644	1	23.50	1.0	24.50
1258	Nguyễn Thị	Oanh	KQH010551	1	24.00	0.5	24.50
1259	Nguyễn Thị Bích	Thuận	THP014171	1	24.00	0.5	24.50
1260	Điêu Thị	Vân	TTB007425	1	21.00	3.5	24.50
1261	Nguyễn Thị	Yến	TDV037020	1	23.50	1.0	24.50
1262	Lê Thị	Hoà	YTB008361	1	23.50	1.0	24.50
1263	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	KQH012644	1	24.00	0.5	24.50
1264	Đỗ Thị	Thảo	THV012108	2	20.75	3.5	24.25
1265	Phạm Thị	Bình	HDT002247	2	20.75	3.5	24.25
1266	Trần Thị	Nha	TND018488	2	20.75	3.5	24.25
1267	Đinh Thị	Liên	LNH005113	2	20.75	3.5	24.25
1268	Hà Thị Minh	Hạnh	THV003851	2	22.75	1.5	24.25
1269	Lương Thị Lệ	Quyên	TND020778	2	20.75	3.5	24.25
1270	Ngô Thị	Ngọc	HDT018007	2	23.25	1.0	24.25
1271	Nguyễn Thu	Trang	THV013909	2	22.75	1.5	24.25
1272	Nguyễn Thị Vân	Anh	TDV001090	2	22.75	1.5	24.25
1273	Đỗ Thị	Nguyệt	HHA010324	2	23.25	1.0	24.25
1274	Hồ Thị	Oanh	YTB016734	2	23.25	1.0	24.25
1275	Phan Thị	Linh	TDV017114	2	22.75	1.5	24.25
1276	Hoàng Thị	Nghiệp	TQU003877	2	20.75	3.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

Trang 45

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1277	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	THP006593	2	23.25	1.0	24.25
1278	Bùi Thị	Duyên	TDV005217	2	23.25	1.0	24.25
1279	Nguyễn Thị	Thu	HDT024465	2	22.75	1.5	24.25
1280	Trần Thùy	Linh	YTB013134	2	23.75	0.5	24.25
1281	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007020	2	22.25	2.0	24.25
1282	Lê Thị Thu	Giang	HDT006303	2	23.25	1.0	24.25
1283	Phan Thị	Thảo	SPH015781	2	23.25	1.0	24.25
1284	Lê Thị	Lanh	DCN005963	2	23.25	1.0	24.25
1285	Lê Thị Mỹ	Linh	THV007450	2	23.25	1.0	24.25
1286	Nguyễn Thị Thu	Hương	THV006268	2	22.75	1.5	24.25
1287	Mông Thị Thùy	Linh	KQH007834	2	20.75	3.5	24.25
1288	Cao Phương	Chi	THV001244	2	22.75	1.5	24.25
1289	Hoàng Thị	Hạnh	HDT007478	2	23.25	1.0	24.25
1290	Phương Thùy	Dung	TND003795	2	20.75	3.5	24.25
1291	Trần Thị	Trang	TDV033075	2	22.75	1.5	24.25
1292	Trần Ngọc Hương	Trang	THV013997	2	22.75	1.5	24.25
1293	Nguyễn Thu	Hằng	TQU001639	2	22.75	1.5	24.25
1294	Cao Thị	Giang	TDV007113	2	22.75	1.5	24.25
1295	Uông Thị	Hà	TDV008097	2	22.75	1.5	24.25
1296	Nguyễn Trần Ngân	Diệp	LNH001390	2	20.75	3.5	24.25
1297	Bế Thị	Nga	TND017267	2	20.75	3.5	24.25
1298	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028207	2	23.25	1.0	24.25
1299	Bùi Thị	Nhung	HDT018636	2	23.25	1.0	24.25
1300	Đỗ Thị	Uyên	KQH015940	2	23.75	0.5	24.25
1301	Hà Ngọc Thủy	Tiên	LNH009416	2	20.75	3.5	24.25
1302	Lê Thị	Giang	HDT006293	2	23.25	1.0	24.25
1303	Nguyễn Thị Hồng	Trang	HHA014609	2	23.75	0.5	24.25
1304	Nguyễn Thị	Doanh	TND003593	2	22.75	1.5	24.25
1305	Bùi Thị	Trang	LNH009651	2	20.75	3.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1306	Lưu Khánh	Linh	SPH009654	2	20.75	3.5	24.25
1307	Vũ Hồng	Phượng	THV010669	2	22.75	1.5	24.25
1308	Lê Thị	Linh	SPH009611	2	23.75	0.5	24.25
1309	Phan Đức	Kiên	BKA006913	2	23.25	1.0	24.25
1310	Nguyễn Thị	Loan	YTB013301	2	23.25	1.0	24.25
1311	Vũ Hương	Hà	TND006516	1	20.75	3.5	24.25
1312	Hoàng Linh	Chi	TND002221	1	20.75	3.5	24.25
1313	Phạm Minh	Phượng	TND020044	1	22.75	1.5	24.25
1314	Long Quốc	Huấn	TND009988	1	20.75	3.5	24.25
1315	Hoàng Thị Huyền	Chang	TND002064	1	20.75	3.5	24.25
1316	Phạm Thị Huyền	Trang	YTB023005	1	23.75	0.5	24.25
1317	Nguyễn Văn	Lịch	BKA007214	1	23.25	1.0	24.25
1318	Nguyễn Thị	Nhung	SPH013133	1	22.75	1.5	24.25
1319	Nguyễn Thị Lan	Anh	THP000532	1	23.25	1.0	24.25
1320	Hoàng Lệ	Ninh	SPH013210	1	23.75	0.5	24.25
1321	Vũ Ngọc Quỳnh	Trang	BKA013696	1	24.25		24.25
1322	Phạm Thị	Trình	THP015564	1	23.75	0.5	24.25
1323	Hoàng Thị	Hoà	TND008888	1	22.75	1.5	24.25
1324	Nguyễn Thị	Giang	KQH003389	1	23.75	0.5	24.25
1325	Vũ Thị Hoài	Linh	THV007829	1	22.75	1.5	24.25
1326	Kiều Anh	Ngọc	THV009468	1	22.75	1.5	24.25
1327	Triệu Hà	Thanh	TND022523	1	20.75	3.5	24.25
1328	Ngọc Bích	Thảo	TND023059	1	20.75	3.5	24.25
1329	Phạm Thị	Anh	SPH001355	1	23.75	0.5	24.25
1330	Châu Thị	Thuỷ	TQU005415	1	20.75	3.5	24.25
1331	Kha Thị	Linh	TDV016493	1	20.75	3.5	24.25
1332	Nguyễn Thị Thu	Trang	BKA013470	1	23.75	0.5	24.25
1333	Trần Thị Nhật	Lệ	BKA007204	1	23.75	0.5	24.25
1334	Võ Phương	Linh	TDV017423	1	23.75	0.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1335	Bùi Thị Thu	Thảo	TLA012433	1	23.25	1.0	24.25
1336	Nguyễn Văn	Tuấn	TQU006149	1	22.75	1.5	24.25
1337	Đinh Thị	Thu	TQU005345	1	22.75	1.5	24.25
1338	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	KQH000514	1	23.75	0.5	24.25
1339	Hoàng Thị Bích	Phương	TDV023805	1	23.25	1.0	24.25
1340	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DCN003740	1	23.75	0.5	24.25
1341	Lục Văn	Đình	TND005198	1	20.75	3.5	24.25
1342	Tô Phương	Thảo	SPH015813	1	23.25	1.0	24.25
1343	Phạm Thị	Loan	TDV017585	1	22.75	1.5	24.25
1344	Nguyễn Thị	Loan	BKA007942	1	23.25	1.0	24.25
1345	Hoàng Thị Thuỳ	Dương	TND004501	1	22.75	1.5	24.25
1346	Phạm Thị Phương	Thuỳ	TQU005440	1	22.75	1.5	24.25
1347	Nguyễn Thị	Tấm	YTB019074	1	23.25	1.0	24.25
1348	Phạm Thị Mai	Hương	TLA006817	1	22.75	1.5	24.25
1349	Dương Thị	Tính	TQU005680	1	20.75	3.5	24.25
1350	Trịnh Thị Bích	Ngọc	TTB004420	1	22.75	1.5	24.25
1351	Phạm Thị	Lan	HDT013272	1	22.75	1.5	24.25
1352	Nguyễn Thị	Giang	YTB005628	1	23.25	1.0	24.25
1353	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	TQU005513	1	22.75	1.5	24.25
1354	Hoàng Phương	Thúy	TND024993	1	20.75	3.5	24.25
1355	Long Thị	Vân	TND029083	1	20.75	3.5	24.25
1356	Bùi Thị Bích	Hạnh	LNH002741	1	20.75	3.5	24.25
1357	Phùng Thị	Hồng	SPH007055	1	23.25	1.0	24.25
1358	Nguyễn Thị Hồng	Quý	TND020695	1	22.75	1.5	24.25
1359	Trần Thị	Phượng	TLA011197	1	23.25	1.0	24.25
1360	Lò Thị	Thảo	TTB005882	1	20.75	3.5	24.25
1361	Nguyễn Thị Huyền	Trang	YTB022775	1	23.75	0.5	24.25
1362	Nguyễn Thu	Hiền	KQH004608	1	20.75	3.5	24.25
1363	Vũ Thị Mỹ	Hạnh	TND007104	1	20.75	3.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1364	Bế Ngọc	Thư	KQH013879	1	20.75	3.5	24.25
1365	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	THV007570	1	23.75	0.5	24.25
1366	Nông Thị	Vân	TND029364	1	20.75	3.5	24.25
1367	Ngọc Châu An	Mi	HHA009104	1	22.25	2.0	24.25
1368	Đào Duy	Hải	TLA004256	1	23.75	0.5	24.25
1369	Ngũ Thị	Thảo	TQU005075	1	20.75	3.5	24.25
1370	Hoàng Thị	Thanh	HDT022544	1	22.75	1.5	24.25
1371	Lê Thị Kim	Loan	KQH008177	1	23.75	0.5	24.25
1372	Đỗ Quân	Thái	SPH015176	1	23.75	0.5	24.25
1373	Vũ Thị Hương	Lan	THP007869	1	22.75	1.5	24.25
1374	Đoàn Ngọc	Phúc	THV010289	1	22.75	1.5	24.25
1375	Nguyễn Thị	Nhung	SPH013128	1	22.75	1.5	24.25
1376	Chung Thị	Diệp	TND003448	1	20.75	3.5	24.25
1377	Vũ Khắc	Toàn	DCN011568	1	23.25	1.0	24.25
1378	Trần Thị Huyền	Trang	DCN011994	1	23.75	0.5	24.25
1379	Nguyễn Thị	Ngát	HDT017591	1	23.25	1.0	24.25
1380	Nguyễn Thu	Phương	SPH013800	1	23.75	0.5	24.25
1381	Đào Thanh	Luyến	KHA006228	1	23.25	1.0	24.25
1382	Dương Thị	Hạnh	TND006866	1	23.25	1.0	24.25
1383	Nguyễn Minh	Phương	THV010481	1	23.75	0.5	24.25
1384	Mã Thu	Thủy	NLS012268	3	22.50	1.5	24.00
1385	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009235	2	23.00	1.0	24.00
1386	Võ Thị Thu	Hiền	TDV010166	2	22.50	1.5	24.00
1387	Ngọc Thị	Tươi	TND028733	2	20.50	3.5	24.00
1388	Ngô Văn	Chính	THP001673	2	23.00	1.0	24.00
1389	Nguyễn Linh	Chi	TDV002927	2	23.50	0.5	24.00
1390	Vũ Duy	Tiến	HHA014203	2	22.50	1.5	24.00
1391	Nguyễn Thị Phương	Loan	THV007890	2	22.50	1.5	24.00
1392	Đỗ Thị	Thúy	HHA013858	2	22.50	1.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1393	Phạm Ngọc	Ngà	THP010082	2	23.50	0.5	24.00
1394	Nguyễn Thị	Quỳnh	TND021174	2	22.50	1.5	24.00
1395	Phạm Hồng	Phượng	HHA011382	2	22.50	1.5	24.00
1396	Ma Thị	Lan	TQU002923	2	20.50	3.5	24.00
1397	Nguyễn Thị	ánh	TDV001772	2	23.00	1.0	24.00
1398	Hoàng Kim	Cúc	TND002938	2	20.50	3.5	24.00
1399	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DCN010306	2	23.50	0.5	24.00
1400	Trần Thị	Hường	THV006436	2	22.50	1.5	24.00
1401	Nguyễn Thị Thanh	Hương	HHA006851	2	22.50	1.5	24.00
1402	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029685	2	23.00	1.0	24.00
1403	Phùng Văn	Pu	TND020306	2	20.50	3.5	24.00
1404	Lữ Thị Hải	Yến	TLA015865	2	23.50	0.5	24.00
1405	Nguyễn Thị	Trang	DCN011904	2	23.00	1.0	24.00
1406	Trần Thị Thủy	Tiên	TDV031339	2	23.00	1.0	24.00
1407	Nguyễn Thị	Bình	TND001889	2	20.50	3.5	24.00
1408	Chu Tú	Anh	TND000127	2	20.50	3.5	24.00
1409	Chu Thúy	Hiền	TQU001685	2	20.50	3.5	24.00
1410	Phạm Thị Khánh	Huyền	TQU002484	2	22.50	1.5	24.00
1411	Phạm Thị Kim	Anh	SPH001360	2	20.50	3.5	24.00
1412	Trần Thu	Huyền	TQU002515	2	20.50	3.5	24.00
1413	Ngô Thị Thanh	Thủy	KQH013653	2	23.50	0.5	24.00
1414	Đinh Thị	Phượng	TDL011197	2	22.50	1.5	24.00
1415	Phùng Mỹ	Linh	DCN006564	2	23.50	0.5	24.00
1416	Phạm Thị	Hiền	HDT008582	2	22.50	1.5	24.00
1417	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005348	2	23.00	1.0	24.00
1418	Phạm Thị Thu	Yên	HHA016497	2	23.50	0.5	24.00
1419	Bùi Thị Phương	Loan	LNH005532	2	20.50	3.5	24.00
1420	Hoàng Thị	Dung	HDT003801	2	23.00	1.0	24.00
1421	Phùng Thị	Oanh	TND019393	2	20.50	3.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1422	Vũ Thị	Nữ	TND019228	2	22.50	1.5	24.00
1423	Lý Thị Minh	Vượng	TQU006545	2	20.50	3.5	24.00
1424	Nguyễn Thành	Đạt	TQU001120	2	20.50	3.5	24.00
1425	Ngô Quỳnh	Oanh	TTB004690	2	22.50	1.5	24.00
1426	Vương Trịnh	Huấn	TND010011	1	20.50	3.5	24.00
1427	Đặng Thị	Nhung	HHA010532	1	23.00	1.0	24.00
1428	Đặng Đình	Định	THV002854	1	22.50	1.5	24.00
1429	Lê Thị	Dung	HDT003832	1	22.00	2.0	24.00
1430	Nguyễn Diệu	Linh	TLA007891	1	24.00		24.00
1431	Tần San	Mấy	THV008633	1	20.50	3.5	24.00
1432	Nguyễn Thị	Hiền	TQU001721	1	20.50	3.5	24.00
1433	Vừ Lao	Vàng	TTB007401	1	20.50	3.5	24.00
1434	Trần Thị	Thảo	TDV028449	1	22.50	1.5	24.00
1435	Nguyễn Thị	Nga	HDT017443	1	23.00	1.0	24.00
1436	Phạm Thị	Liều	TDV016179	1	23.00	1.0	24.00
1437	Hoàng Thị Huyền	Trang	THV013712	1	22.50	1.5	24.00
1438	Đỗ Kiều	Nga	HDT017325	1	23.50	0.5	24.00
1439	Nguyễn Thị Lan	Anh	THV000460	1	22.50	1.5	24.00
1440	Lò Thị Thu	Hằng	TTB002026	1	20.50	3.5	24.00
1441	Nguyễn Thị	Thơm	TND024255	1	22.50	1.5	24.00
1442	Vàng Thị	Cao	THV001139	1	20.50	3.5	24.00
1443	La Thị	Nga	TND017328	1	20.50	3.5	24.00
1444	Trương Thị Hồng	Dự	THV002466	1	20.50	3.5	24.00
1445	Hà Thị	Duyên	TND004294	1	20.50	3.5	24.00
1446	Mã Thị Hương	Lan	TND013292	1	20.50	3.5	24.00
1447	Hoàng Thị Trà	Giang	TDV007188	1	22.00	2.0	24.00
1448	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008758	1	22.50	1.5	24.00
1449	Dương Thùy	Trang	TTB006727	1	22.50	1.5	24.00
1450	Hoàng Thị Hải	Yến	TTB007675	1	20.50	3.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

Trang 51

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1451	Ngô Thị	Hà	HDT006762	1	22.50	1.5	24.00
1452	Hoàng Trang	Nhật	DCN008313	1	23.50	0.5	24.00
1453	Phạm Thị	Lý	HDT015892	1	22.50	1.5	24.00
1454	Nguyễn Thị	Trang	HDT026981	1	23.00	1.0	24.00
1455	Phạm Thị	Thu	THV012854	1	22.50	1.5	24.00
1456	Phạm Thị	Thảo	THV012317	1	22.50	1.5	24.00
1457	Triệu Thùy	Linh	TND014766	1	20.50	3.5	24.00
1458	Dương Thị	Hoa	TND008668	1	22.50	1.5	24.00
1459	Nguyễn Thị	Huyền	TTB002829	1	22.50	1.5	24.00
1460	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DCN010684	1	23.50	0.5	24.00
1461	Nguyễn Thanh	Huệ	TQU002242	1	22.50	1.5	24.00
1462	Nguyễn Thị	Thủy	TND024896	1	22.50	1.5	24.00
1463	Nguyễn Hằng	Ngọc	SPH012568	1	22.50	1.5	24.00
1464	Lò Văn	Thủy	TTB006374	1	20.50	3.5	24.00
1465	Lù Thị	Linh	TTB003506	1	20.50	3.5	24.00
1466	Nông Thị Như	Quỳnh	THV011161	1	20.50	3.5	24.00
1467	Bùi Thị	Dìn	LNH001404	1	20.50	3.5	24.00
1468	Hoàng Thị Thanh	Thiên	TND023806	1	20.50	3.5	24.00
1469	Hà Diệu	Hằng	TTB002003	1	20.50	3.5	24.00
1470	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007012	1	23.50	0.5	24.00
1471	Vàng Thị	Dếnh	TTB001001	1	20.50	3.5	24.00
1472	Trần Thị Phương	Thảo	THV012357	1	22.50	1.5	24.00
1473	Phạm Hoàng Hải	Nam	THV009038	1	20.50	3.5	24.00
1474	Đoàn Thị Ngọc	ánh	THV000766	1	22.50	1.5	24.00
1475	Nguyễn Thị	út	TND028795	1	22.50	1.5	24.00
1476	Lò Văn	Mạnh	TTB003915	1	20.50	3.5	24.00
1477	Hoàng Hồng	Thoa	TND024081	1	20.50	3.5	24.00
1478	Đỗ Thị Hoàng	Anh	SPH000227	1	23.00	1.0	24.00
1479	Đỗ Đức	Duy	DCN001922	1	23.50	0.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1480	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TQU001725	1	20.50	3.5	24.00
1481	Phạm Ngọc	Anh	YTB001102	1	23.00	1.0	24.00
1482	Lò Thị	Tinh	TTB006626	1	20.50	3.5	24.00
1483	Nguyễn Ngọc	ánh	DCN000815	1	20.50	3.5	24.00
1484	Trần Thị Hồng	Nhung	NLS008795	1	22.50	1.5	24.00
1485	Đào Thị Thanh	Huyền	THP006449	1	23.50	0.5	24.00
1486	Nùng Thị Thanh	Huyền	THV005903	1	20.50	3.5	24.00
1487	Pờ Chùy	Pứ	TTB005001	1	20.50	3.5	24.00
1488	Chu Thị	Thảo	SPH015531	1	23.50	0.5	24.00
1489	Dương Thị	Thu	TQU005343	1	20.50	3.5	24.00
1490	Lý Thị	Niệm	TND019129	1	20.50	3.5	24.00
1491	Lương Thị	Thủy	TQU005461	1	20.50	3.5	24.00
1492	Trần Thị Hải	Yến	SPH019900	1	22.50	1.5	24.00
1493	Phạm Thị	Anh	YTB001125	1	23.00	1.0	24.00
1494	Hoàng Thị	Quỳnh	HDT021007	1	20.50	3.5	24.00
1495	Trần Hồng	Hạnh	HDT007612	1	23.50	0.5	24.00
1496	Nguyễn Thu	Hà	HDT006891	1	23.00	1.0	24.00
1497	Hoàng Thị	Xuân	HVN012416	2	22.75	1.0	23.75
1498	Nguyễn Hương	Ly	HHA008804	2	23.25	0.5	23.75
1499	Nguyễn Văn	Thông	SPH016229	2	22.25	1.5	23.75
1500	Dương Thị	Thanh	TND022393	2	22.75	1.0	23.75
1501	Hoàng Thị Thu	Hà	THV003469	2	22.25	1.5	23.75
1502	Chu Thị	Hồng	TND009691	2	20.25	3.5	23.75
1503	Lê Thị Trà	My	TDV019572	2	23.25	0.5	23.75
1504	Đặng Hồng	Gấm	LNH002301	2	22.25	1.5	23.75
1505	Trần Thị	Tâm	TND022148	2	20.25	3.5	23.75
1506	Lê Thị	Trang	HDT026601	2	20.25	3.5	23.75
1507	Vũ Thị Tú	Linh	TDV017454	2	22.75	1.0	23.75
1508	Nguyễn Thị	ánh	LNH000670	2	23.25	0.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1509	Nguyễn Thị	Hường	HDT012479	2	22.25	1.5	23.75
1510	Nguyễn Thị	Mùi	TDV019535	2	22.25	1.5	23.75
1511	Nguyễn Thị	Quyên	HHA011628	2	23.25	0.5	23.75
1512	Cao Thị	Phượng	HDT019645	2	22.75	1.0	23.75
1513	Nguyễn Thị	Trang	LNH009851	2	23.25	0.5	23.75
1514	Trần Thị	Yến	TDV037128	2	22.25	1.5	23.75
1515	Nguyễn Ngọc	ánh	THV000805	2	22.25	1.5	23.75
1516	Hoàng Thị	Mai	TDV018620	2	22.75	1.0	23.75
1517	Nguyễn Thị Hồng	Yến	TDV036990	2	22.25	1.5	23.75
1518	Trần Hữu	Đức	TDV006981	2	23.25	0.5	23.75
1519	Nguyễn Quang	Trường	TQU006019	2	22.25	1.5	23.75
1520	Nông Đức	Toàn	TQU005705	2	20.25	3.5	23.75
1521	Nguyễn Thị	Thúy	KQH013813	2	23.25	0.5	23.75
1522	Đào Tiến	Tùng	THV014733	2	22.25	1.5	23.75
1523	Nguyễn Thị	Minh	THP009563	2	23.25	0.5	23.75
1524	Nguyễn Thị	Nỗn	HVN007953	2	22.75	1.0	23.75
1525	Bùi Thị Dương	Anh	HDT000147	2	22.25	1.5	23.75
1526	Hoàng Thị	Duyên	TND004306	2	20.25	3.5	23.75
1527	Phan Minh	Anh	HDT001332	2	22.25	1.5	23.75
1528	Lê Minh	Hiền	TDV009786	2	22.75	1.0	23.75
1529	Ngô Thị	Hằng	TND007355	2	22.75	1.0	23.75
1530	Nguyễn Ngọc	Anh	HDT000974	2	23.25	0.5	23.75
1531	Nguyễn Như	Phượng	TTB004906	1	22.25	1.5	23.75
1532	Đỗ Thị	Nhung	HDT018662	1	20.25	3.5	23.75
1533	Trương Đình	Tiến	BKA013089	1	23.25	0.5	23.75
1534	Mai Thị	Oanh	HDT019239	1	20.25	3.5	23.75
1535	Nguyễn Thị Bích	Hiền	HVN003399	1	23.25	0.5	23.75
1536	Trịnh Thị Huyền	Anh	HDT001611	1	22.25	1.5	23.75
1537	Nguyễn Thị Kiều	My	THV008833	1	22.25	1.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1538	Nguyễn Thị	Lê	HDT013477	1	22.75	1.0	23.75
1539	Đặng Thị Hồng	Hiệp	THV004434	1	22.25	1.5	23.75
1540	Nguyễn Thanh	Nhàn	TQU004033	1	22.25	1.5	23.75
1541	Nguyễn Thị Anh	Thư	TQU005544	1	20.25	3.5	23.75
1542	Phan Thị Hương	Giang	TQU001342	1	20.25	3.5	23.75
1543	Lò Văn	Chưởng	TTB000807	1	20.25	3.5	23.75
1544	Đồng Thị	Hà	TQU001392	1	20.25	3.5	23.75
1545	Hoàng Văn	Kiệm	TTB003199	1	20.25	3.5	23.75
1546	Trương Thị	Nhung	TND019052	1	22.25	1.5	23.75
1547	Hoàng Thị	Định	HDT005548	1	22.25	1.5	23.75
1548	Nguyễn Lan	Anh	KQH000363	1	22.25	1.5	23.75
1549	Trần Thị Thu	Uyên	KHA011455	1	22.75	1.0	23.75
1550	Nguyễn Thị	Nguyệt	TDV021707	1	22.25	1.5	23.75
1551	Mai Thị	Thúy	HDT025188	1	22.75	1.0	23.75
1552	Vũ Văn	Tiến	HDT025887	1	22.75	1.0	23.75
1553	Trần Thị	Huế	TND010132	1	20.25	3.5	23.75
1554	Lương Thị	Phương	TDV023878	1	22.75	1.0	23.75
1555	Nguyễn Thị	Hằng	HDT007935	1	22.25	1.5	23.75
1556	Tải Thị	Cám	DCN001071	1	20.25	3.5	23.75
1557	Lưu Thị Thu	Hằng	SPH005586	1	22.75	1.0	23.75
1558	Nguyễn Mỹ	Linh	THV007540	1	23.25	0.5	23.75
1559	Nguyễn Thị	Linh	YTB012779	1	22.75	1.0	23.75
1560	Trần Thị Lan	Vy	HDT030120	1	22.25	1.5	23.75
1561	Nguyễn Thị	Mai	TQU003519	1	22.25	1.5	23.75
1562	Lăng Thị Trà	Giang	SPH004502	1	22.25	1.5	23.75
1563	Phạm Thị	Hoàn	THV004954	1	22.25	1.5	23.75
1564	Trần Thuỳ	Dương	KQH002644	1	23.25	0.5	23.75
1565	Lê Thị	Thắm	TND023438	1	20.25	3.5	23.75
1566	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	NLS010145	1	22.25	1.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1567	Nguyễn Thị Khánh	Linh	TDV016765	1	23.25	0.5	23.75
1568	Phạm Thị Như	Sao	YTB018568	1	22.75	1.0	23.75
1569	Đinh Thị	Hằng	DCN003377	1	22.75	1.0	23.75
1570	Phạm Thu	Hà	LNH002575	1	22.25	1.5	23.75
1571	Vũ Thị Minh	Hòa	LNH003555	1	22.25	1.5	23.75
1572	Hoàng Thị	Thúy	TND024998	1	20.25	3.5	23.75
1573	Trần Thị Kim	Oanh	THV010140	1	22.25	1.5	23.75
1574	Hoàng Hải	Yến	THV015567	1	20.25	3.5	23.75
1575	Trần Thị Thu	Trang	TLA014282	1	23.25	0.5	23.75
1576	Đinh Lê	Thu	BKA012478	1	23.75		23.75
1577	Nguyễn Hữu	Phước	KHA007875	1	22.75	1.0	23.75
1578	Nguyễn Thị Thanh	Mai	TND016027	1	22.25	1.5	23.75
1579	Hoàng Thị	Huyền	TQU002426	1	20.25	3.5	23.75
1580	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	DHU016327	1	22.75	1.0	23.75
1581	Quảng Văn	Kẻo	TTB003029	1	20.25	3.5	23.75
1582	Đỗ Văn	Thiện	SPH016094	1	23.25	0.5	23.75
1583	Hàng Seo	Sấn	THV011290	1	20.25	3.5	23.75
1584	Hoàng Thị	Thắm	TND023429	1	20.25	3.5	23.75
1585	Vũ Thị	Tư	YTB024658	1	22.75	1.0	23.75
1586	Đỗ Thu	Huyền	BKA005921	1	23.75		23.75
1587	Ma Việt	Hoàng	TND009457	1	20.25	3.5	23.75
1588	Phạm Thị	Dung	HDT004016	1	22.25	1.5	23.75
1589	Nguyễn Thị	Loan	TDV017560	1	22.75	1.0	23.75
1590	Phạm Thị Hồng	ánh	THV000840	1	22.25	1.5	23.75
1591	Nguyễn Diệu	Thúy	SPH016725	1	23.25	0.5	23.75
1592	Phạm Thị	Giang	HDT006413	1	22.75	1.0	23.75
1593	Lý Thị Thu	Thảo	TND023043	1	20.25	3.5	23.75
1594	Phí Thị Ngọc	Lan	SPH009100	1	23.25	0.5	23.75
1595	Linh Văn	Phong	TND019536	1	20.25	3.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1596	Triệu Thị	Tấn	TND022238	1	20.25	3.5	23.75
1597	Bùi Thị	Hằng	TND007224	1	22.25	1.5	23.75
1598	Nguyễn Bùi Thu	Hiền	KQH004538	1	20.25	3.5	23.75
1599	Trịnh Thị Hồng	Nhung	BJA010004	1	22.25	1.5	23.75
1600	Nguyễn Ngọc	Lanh	HDT013319	1	22.75	1.0	23.75
1601	Hoàng Thùy	Linh	TND014211	1	20.25	3.5	23.75
1602	Bùi Thị	Mừng	HHA009361	1	22.25	1.5	23.75
1603	Nguyễn Thị	Ngọc	THV009537	1	22.25	1.5	23.75
1604	Bàn Thị	Hiền	KQH004476	1	20.25	3.5	23.75
1605	Trần Thu	Hường	TND012266	1	22.75	1.0	23.75
1606	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001785	1	22.25	1.5	23.75
1607	Trần Đức	Dũng	HDT004396	2	22.50	1.0	23.50
1608	Hoàng Thị Thanh	Lan	TQU002916	2	20.00	3.5	23.50
1609	Đinh Thị	Huệ	LNH003865	2	23.00	0.5	23.50
1610	Phạm Thùy	Linh	TQU003243	2	21.00	2.5	23.50
1611	Phạm Thị Thúy	Loan	DCN006713	2	22.50	1.0	23.50
1612	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	TDV001819	2	22.00	1.5	23.50
1613	Vũ Thị Thanh	Hiền	THV004398	2	22.00	1.5	23.50
1614	Vi Phương	Thảo	TDV028494	2	20.00	3.5	23.50
1615	Ngô Thị Ngọc	Anh	HDT000885	2	22.00	1.5	23.50
1616	Triệu Văn	Cao	TND002019	2	20.00	3.5	23.50
1617	Lưu Thị Minh	Châu	THV001217	2	22.00	1.5	23.50
1618	Hoàng Thị	Gió	TQU001378	2	20.00	3.5	23.50
1619	Nguyễn Thị Lan	Anh	HDT001069	2	22.50	1.0	23.50
1620	Hà Thị Thu	Trang	THV013695	2	20.00	3.5	23.50
1621	Nông Văn	Quân	TND020573	2	20.00	3.5	23.50
1622	Nguyễn Thị	Ngọc	HHA010156	2	23.00	0.5	23.50
1623	Nguyễn Thị	Trâm	YTB023250	2	22.50	1.0	23.50
1624	Nguyễn Thị	Yến	TND030071	2	20.00	3.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1625	Nguyễn Thị	Thoan	TDV029460	2	22.50	1.0	23.50
1626	Nguyễn Thị	Hồng	SPH007020	2	22.50	1.0	23.50
1627	Trần Ngọc	ánh	THV000852	2	22.00	1.5	23.50
1628	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010153	2	22.50	1.0	23.50
1629	Thào Thu	Phượng	THV010557	2	20.00	3.5	23.50
1630	Nguyễn Thị	Hạnh	THP004287	2	22.50	1.0	23.50
1631	Tô Thị	Hường	TND012241	2	20.00	3.5	23.50
1632	Nguyễn Thanh	Bình	TTB000419	2	22.00	1.5	23.50
1633	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011511	2	22.00	1.5	23.50
1634	Bùi Thị	Thùy	HDT024756	2	22.50	1.0	23.50
1635	Nguyễn Thị	Hương	HDT012206	2	22.00	1.5	23.50
1636	Chu Thị Bích	Loan	TND014918	1	20.00	3.5	23.50
1637	Nguyễn Thị	Linh	TND014469	1	22.00	1.5	23.50
1638	Đặng Mai	Huyền	HHA006245	1	23.00	0.5	23.50
1639	Sông A	Quả	TTB005002	1	20.00	3.5	23.50
1640	Đàm Thị Thanh	Duyên	TND004283	1	20.00	3.5	23.50
1641	Quảng Thị	Hỏa	TTB002400	1	20.00	3.5	23.50
1642	Đặng Thị	Chinh	BJA001641	1	22.50	1.0	23.50
1643	Nguyễn Thị Hoài	Thu	TDV029849	1	23.00	0.5	23.50
1644	Nguyễn Thị	Hiền	TND007913	1	22.00	1.5	23.50
1645	Lê Thị	Duyên	HDT004608	1	22.50	1.0	23.50
1646	Lường Thùy	Dung	KHA001664	1	20.00	3.5	23.50
1647	Trần Hương	Ly	SPH010876	1	23.50		23.50
1648	Bùi Khánh	Huyền	TTB002776	1	22.00	1.5	23.50
1649	Nguyễn Thị	Hiền	TDV009941	1	23.00	0.5	23.50
1650	Vũ Mạnh	Hùng	TQU002324	1	22.00	1.5	23.50
1651	Nông Thị Thảo	My	TND016846	1	20.00	3.5	23.50
1652	Lê Thị	Hòa	HDT009438	1	22.00	1.5	23.50
1653	Phạm Quỳnh	Diệp	YTB003224	1	22.50	1.0	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1654	Hồ Thị Huyền	Trang	TDV032173	1	22.00	1.5	23.50
1655	Hoàng Thị	Huế	TND010051	1	20.00	3.5	23.50
1656	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	DCN012825	1	22.00	1.5	23.50
1657	Trần Thị Thu	Hồng	THV005210	1	22.00	1.5	23.50
1658	Đặng Thị	Trang	HDT026302	1	22.00	1.5	23.50
1659	Sĩ Thị Thanh	Thúy	HVN010450	1	22.50	1.0	23.50
1660	Nguyễn Quang	Duẩn	KHA001631	1	22.50	1.0	23.50
1661	Phạm Minh	Phương	TQU004362	1	22.00	1.5	23.50
1662	Trần Thị	Vy	KQH016406	1	23.00	0.5	23.50
1663	Phạm Thị Diệu	Linh	HDT014721	1	22.00	1.5	23.50
1664	Nguyễn Thị	Trà	THP014966	1	22.50	1.0	23.50
1665	Ma Thị	Thảo	TQU005070	1	20.00	3.5	23.50
1666	Nguyễn Thị Lan	Chi	TND002281	1	20.00	3.5	23.50
1667	Nguyễn Mai	Phương	DCN008873	1	22.00	1.5	23.50
1668	Thào A	Sam	TTB005250	1	20.00	3.5	23.50
1669	Trần Phương	Anh	TQU000224	1	22.00	1.5	23.50
1670	Hoàng Hải	Yến	TND029963	1	20.00	3.5	23.50
1671	Dương Thị	Liều	TND013923	1	20.00	3.5	23.50
1672	Lê Thị	Tuyên	TDV035203	1	22.50	1.0	23.50
1673	Đinh Thị Thu	Huyền	TQU002401	1	22.00	1.5	23.50
1674	Lê Thị	Tâm	SPH015067	1	22.00	1.5	23.50
1675	Phạm Thị	Tuyết	BKA014658	1	22.50	1.0	23.50
1676	Đỗ Ngọc	Lan	KHA005292	1	23.00	0.5	23.50
1677	Hà Thị	Huynh	TQU002531	1	20.00	3.5	23.50
1678	Đinh Thị	Vũ	TTB007537	1	20.00	3.5	23.50
1679	Lương Thị	Huệ	TND010214	1	20.00	3.5	23.50
1680	Hoàng Thị	Hồng	HDT010055	1	22.50	1.0	23.50
1681	Nguyễn Văn	Sơn	THV011504	1	22.00	1.5	23.50
1682	Bế Thị	Huyền	TND010967	1	20.00	3.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1683	Hoàng Thị	Tú	TND027468	1	20.00	3.5	23.50
1684	Mông Thu	Thảo	THV012208	1	20.00	3.5	23.50
1685	Phan Văn	Quân	TDV024760	1	22.00	1.5	23.50
1686	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	1	20.00	3.5	23.50
1687	Nguyễn Thị	Linh	HDT014462	1	20.00	3.5	23.50
1688	Quảng Thị	Tiến	TTB006589	1	20.00	3.5	23.50
1689	Trần Lê	Tĩnh	TTB006645	1	22.00	1.5	23.50
1690	Triệu Thị Tuyết	Nga	THV009192	1	20.00	3.5	23.50
1691	Dương Diệu	Oanh	TND019258	1	20.00	3.5	23.50
1692	Nguyễn Thị Trà	My	THV008835	1	22.00	1.5	23.50
1693	Sùng A	Vảng	TTB007405	1	20.00	3.5	23.50
1694	Đặng Thị	Thương	TDV030936	1	23.00	0.5	23.50
1695	Trần Thị	Thúy	TDV030763	1	22.00	1.5	23.50
1696	Vũ Thị Thùy	Linh	YTB013198	1	22.50	1.0	23.50
1697	Nguyễn Thái	Linh	HHA008157	1	23.00	0.5	23.50
1698	Hồ Thị	Hiền	HDT008370	2	21.75	1.5	23.25
1699	Trịnh Tiến	Cường	TLA002331	2	20.25	3.0	23.25
1700	Trần Thị	Nga	THP010043	2	22.25	1.0	23.25
1701	Nguyễn Thu	Hà	THP003884	2	22.25	1.0	23.25
1702	Lê Thị	Khánh	HDT012671	2	22.25	1.0	23.25
1703	Mai Thị Thủy	Tiên	DND024539	2	22.25	1.0	23.25
1704	Cao Thị	Thơm	THP013977	2	22.25	1.0	23.25
1705	Nguyễn Thị	ánh	TDV001787	2	21.75	1.5	23.25
1706	Nguyễn Hồng	Sơn	TDV026249	2	21.75	1.5	23.25
1707	Kiều Thị Thu	Thảo	LNH008473	2	21.75	1.5	23.25
1708	Nguyễn Thị	Lan	TQU002928	2	21.75	1.5	23.25
1709	Phàn Mùi	Máy	TQU003577	2	19.75	3.5	23.25
1710	Nguyễn Thị	Hợp	TDV012355	2	21.75	1.5	23.25
1711	Nguyễn Thị Chung	Thủy	TTN018986	2	21.75	1.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1712	Nguyễn Thị Minh	Hằng	THV004063	2	21.75	1.5	23.25
1713	Trần Thị	Hoa	TDV010974	2	22.25	1.0	23.25
1714	Nguyễn Tuấn	Anh	LNH000478	2	19.75	3.5	23.25
1715	Quách Thị	Châm	LNH000911	2	19.75	3.5	23.25
1716	Đỗ Phương	Thảo	KQH012524	2	22.75	0.5	23.25
1717	Nguyễn Thị Thùy	Trang	THP015230	2	22.75	0.5	23.25
1718	Đỗ Trung	Hiếu	YTB007859	2	22.25	1.0	23.25
1719	Ngô Thị Thanh	Huyền	HVN004623	2	22.75	0.5	23.25
1720	Cao Thị	Trang	HHA014409	2	22.75	0.5	23.25
1721	Lê Hữu	Thanh	HDT022554	2	22.75	0.5	23.25
1722	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	DHU021233	2	22.75	0.5	23.25
1723	Lục Thị ánh	Đào	HDT005131	2	19.75	3.5	23.25
1724	Nguyễn Hải	Nam	HHA009549	2	22.25	1.0	23.25
1725	Lò Thị	Thánh	TTB005812	2	19.75	3.5	23.25
1726	Hoàng Thị	Mến	THV008642	2	21.75	1.5	23.25
1727	Triệu Thị	Chuyên	TND002746	2	19.75	3.5	23.25
1728	Trần Thị	Nhàn	SPH012889	1	21.75	1.5	23.25
1729	Nguyễn Thị	Hằng	HDT007990	1	21.75	1.5	23.25
1730	Hoàng Thị	Trang	TND026192	1	19.75	3.5	23.25
1731	Hà Thị Linh	Chi	HDT002506	1	22.25	1.0	23.25
1732	Phùng Thị	Hòa	THV004864	1	21.75	1.5	23.25
1733	Dương Thu	Phương	THV010367	1	19.75	3.5	23.25
1734	Đào Thị Phương	Thảo	THV012115	1	21.75	1.5	23.25
1735	Phạm Thị	Lam	HDT013083	1	21.75	1.5	23.25
1736	Trần Quốc	Huân	TQU002169	1	19.75	3.5	23.25
1737	Chêo Mỹ	Lai	THV006844	1	19.75	3.5	23.25
1738	Lê Thị Lê	Quyến	TND020902	1	21.75	1.5	23.25
1739	Đặng Thị	Lan	HDT013138	1	22.25	1.0	23.25
1740	Vũ Thị Huyền	Trang	TLA014338	1	22.25	1.0	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1741	La Anh	Thư	TQU005539	1	19.75	3.5	23.25
1742	Lê Thị Thúy	Hồng	TLA005703	1	22.25	1.0	23.25
1743	Hà Thị Diệu	Mai	TND015908	1	19.75	3.5	23.25
1744	Nguyễn Văn	Huỳnh	THP006769	1	22.25	1.0	23.25
1745	Ngô Phương	Đông	YTB005139	1	22.25	1.0	23.25
1746	Lê Thị	Thủy	HDT024923	1	22.25	1.0	23.25
1747	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000588	1	22.25	1.0	23.25
1748	Nguyễn Thùy	Trang	HDT026998	1	22.25	1.0	23.25
1749	Ngô Thị Thu	Thảo	KQH012602	1	22.75	0.5	23.25
1750	Lâm Thị	Quyên	TND020773	1	19.75	3.5	23.25
1751	Chu Thị Hồng	Hoa	DCN004039	1	22.75	0.5	23.25
1752	Vũ Minh	Tú	TND027617	1	21.75	1.5	23.25
1753	Vương Xuân	Hiếu	THV004678	1	21.75	1.5	23.25
1754	Vũ Thị	Vân	SPH019334	1	22.25	1.0	23.25
1755	Đặng Minh	Khôi	BKA006829	1	22.25	1.0	23.25
1756	Hứa Phương	Thảo	HDT023104	1	21.75	1.5	23.25
1757	Quách Văn	Long	TQU003359	1	19.75	3.5	23.25
1758	Lê Thị	Hương	HDT012082	1	22.25	1.0	23.25
1759	Phạm Thị Minh	Loan	TND015033	1	21.75	1.5	23.25
1760	Nguyễn Thanh	Xuân	TQU006573	1	21.75	1.5	23.25
1761	Đỗ Thị	Hằng	THV003987	1	21.75	1.5	23.25
1762	Trần Quang	Huy	TQU002382	1	21.75	1.5	23.25
1763	Trần Thị	Quỳnh	KQH011676	1	22.25	1.0	23.25
1764	Hoàng Thị Kim	Ngân	HDT017629	1	22.25	1.0	23.25
1765	Phan Thị	Tình	TND025687	1	19.75	3.5	23.25
1766	Nguyễn Thị Yến	Hoa	TND008815	1	21.75	1.5	23.25
1767	Bùi Trọng	Hưng	KQH006444	1	22.75	0.5	23.25
1768	Phan Thị	Hằng	DCN003503	1	22.75	0.5	23.25
1769	Phạm Thị Tường	Loan	TND015035	1	21.75	1.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1770	Nguyễn Thanh	Hoa	LNH003452	1	22.75	0.5	23.25
1771	Trần Thị Thu	Hằng	YTB007166	1	22.25	1.0	23.25
1772	Ngô Tất	Đạt	SPH003876	1	23.25		23.25
1773	Mã Thị Hoài	Anh	TND000544	1	19.75	3.5	23.25
1774	Vĩ Văn	Son	THV011363	1	19.75	3.5	23.25
1775	Giàng A	Dơ	THV001993	1	19.75	3.5	23.25
1776	Nguyễn Thị Phương	Hằng	HVN003211	1	22.75	0.5	23.25
1777	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	HDT014558	1	22.75	0.5	23.25
1778	Đào Thị	Bích	HDT002076	1	22.25	1.0	23.25
1779	Lê Thị Nhật	Lệ	TTB003409	1	21.75	1.5	23.25
1780	Ma Xuân	Thành	TQU004988	1	19.75	3.5	23.25
1781	Lê Thị Hồng	Nhung	BKA009914	1	22.25	1.0	23.25
1782	Phạm Thị	Trang	THV013962	3	21.50	1.5	23.00
1783	Tạ Thị	Huyền	BKA006109	2	22.00	1.0	23.00
1784	Hồ Sỹ	Vượng	TDV036515	2	22.00	1.0	23.00
1785	Nông Thị Mĩ	Lan	TND013373	2	19.50	3.5	23.00
1786	Nguyễn Thị	Thanh	THV011888	2	21.50	1.5	23.00
1787	Lưu Thị	Mai	TTB003860	2	21.50	1.5	23.00
1788	Nguyễn Thị Thu	Hoài	TND009167	2	20.50	2.5	23.00
1789	Lê Thị	Nhung	HDT018763	2	22.00	1.0	23.00
1790	Nguyễn Thị	Hoài	TQU002003	2	21.50	1.5	23.00
1791	Hồ Thị	Yến	TDV036873	2	22.00	1.0	23.00
1792	Đào Thúy	Quỳnh	THV011038	2	21.50	1.5	23.00
1793	Hoàng Thị	Thủy	TND024798	2	19.50	3.5	23.00
1794	Đỗ Thị	Linh	HDT013827	2	21.50	1.5	23.00
1795	Phan Diệu	Anh	TTB000226	2	21.50	1.5	23.00
1796	Lưu Thị	Minh	TDV019270	2	22.00	1.0	23.00
1797	Nguyễn Huyền	Nhung	TND018921	2	22.50	0.5	23.00
1798	Lê Thị	Hiền	HDT008425	2	21.50	1.5	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1799	Trần Anh	Nhất	YTB016199	2	22.00	1.0	23.00
1800	Trần Thương	Thương	THV013317	2	19.50	3.5	23.00
1801	Liều Thanh	Huyền	TND011126	2	19.50	3.5	23.00
1802	Bạc Thị	Hằng	TTB001986	2	19.50	3.5	23.00
1803	Đào Thị	Thu	HVN010083	2	22.00	1.0	23.00
1804	Lò Thị	Chung	TTB000738	2	19.50	3.5	23.00
1805	Đào Hải	Quỳnh	DCN009409	2	21.50	1.5	23.00
1806	Nguyễn Thị Linh	Trang	THP015178	1	22.50	0.5	23.00
1807	Bùi Văn	Bằng	HDT002039	1	19.50	3.5	23.00
1808	Lê Ngọc	Anh	HDT000555	1	21.50	1.5	23.00
1809	Lường Thị	Thi	THV012580	1	19.50	3.5	23.00
1810	Nguyễn Thành	Cương	TTB000884	1	21.50	1.5	23.00
1811	Nguyễn Hồng	Nhung	TLA010528	1	23.00		23.00
1812	Nguyễn Thị	Thanh	YTB019327	1	22.00	1.0	23.00
1813	Nguyễn Thị Minh	Dung	SPH003077	1	22.00	1.0	23.00
1814	Lành Thúy	Ngân	TND017559	1	19.50	3.5	23.00
1815	Lường Thị	Dương	TTB001351	1	19.50	3.5	23.00
1816	Mê Thị Thu	Hạnh	TTB001932	1	19.50	3.5	23.00
1817	Nguyễn Đỗ Ngọc	Mai	HHA008901	1	21.50	1.5	23.00
1818	Bùi Thị Thanh	Thơm	TLA013102	1	22.00	1.0	23.00
1819	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012554	1	21.50	1.5	23.00
1820	Nguyễn Thị	Hoài	TDV011379	1	22.00	1.0	23.00
1821	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	TTB005207	1	21.50	1.5	23.00
1822	Hoàng Thanh	Hằng	THV004023	1	21.50	1.5	23.00
1823	Bùi Thị	Phượng	HDT019623	1	22.00	1.0	23.00
1824	Đinh Thị	Vường	DCN013278	1	19.50	3.5	23.00
1825	Nguyễn Thị Thu	Hòa	THP005478	1	22.50	0.5	23.00
1826	Đỗ Thị Thanh	Tuyền	THV014862	1	21.50	1.5	23.00
1827	Nguyễn Thu	Huyền	THV005896	1	19.50	3.5	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1828	Trần Tiểu	Linh	DCN006620	1	22.50	0.5	23.00
1829	Đặng Thị	Mai	KHA006389	1	22.00	1.0	23.00
1830	Trịnh Thị	Hoa	TND008866	1	19.50	3.5	23.00
1831	Lê Thị	Nhị	HDT018604	1	22.00	1.0	23.00
1832	Nguyễn Thị	Tuệ	TDV035079	1	21.50	1.5	23.00
1833	Nông Thùy	Linh	TND014648	1	19.50	3.5	23.00
1834	Đỗ Lan	Phượng	TQU004294	1	21.50	1.5	23.00
1835	Nguyễn Thị	Ngọc	HDT018057	1	22.00	1.0	23.00
1836	Nguyễn Mạnh	Cường	SPH002829	1	22.00	1.0	23.00
1837	Lê Văn	Hiếu	TTB002228	1	21.50	1.5	23.00
1838	Hoàng Thị	Thuyết	TND025123	1	19.50	3.5	23.00
1839	Nguyễn Bá	Nam	DCN007646	1	22.50	0.5	23.00
1840	Vũ Thị	Chinh	HDT002787	1	21.50	1.5	23.00
1841	Nông Thị	Lưu	TND015591	1	19.50	3.5	23.00
1842	Hoàng Thị	Trang	TDV032273	1	21.50	1.5	23.00
1843	Đặng Văn	Anh	TND000277	1	21.50	1.5	23.00
1844	Hoàng Phượng	Mai	TDV018614	1	22.50	0.5	23.00
1845	Lầu A	Hồng	TTB002567	1	19.50	3.5	23.00
1846	Phạm Thị Thanh	Hòa	SPH006664	1	22.00	1.0	23.00
1847	Vũ Thị Hiền	Hòa	YTB008467	1	22.00	1.0	23.00
1848	Nguyễn Minh	Chuyển	THV001555	1	21.50	1.5	23.00
1849	Chu Thị Kiều	Anh	TQU000019	1	19.50	3.5	23.00
1850	Phùng Thị	Tuyết	TND028663	1	19.50	3.5	23.00
1851	Lộc Thị	Thắm	TND023435	1	19.50	3.5	23.00
1852	Phùng Thị	Ngọc	HDT018130	1	22.50	0.5	23.00
1853	Nguyễn Tuấn	Thành	TND022677	1	19.50	3.5	23.00
1854	Cà Thị	Oanh	TTB004675	1	19.50	3.5	23.00
1855	Nguyễn Thị	Xuân	DCN013330	1	19.50	3.5	23.00
1856	Nguyễn Thị Thu	Huyền	TLA006382	1	22.00	1.0	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1857	Nguyễn Lê Kiều	My	TDV019581	1	22.50	0.5	23.00
1858	Vũ Thị	Lý	HDT015908	1	22.00	1.0	23.00
1859	Vi Thị Bích	Vân	TND029201	1	19.50	3.5	23.00
1860	Nguyễn Thị	Hợp	KQH005615	1	22.50	0.5	23.00
1861	Trần Thị	Dịu	TLA002418	1	22.00	1.0	23.00
1862	Nguyễn Tiến	Ngọc	TLA010186	1	22.50	0.5	23.00
1863	Trần Đức	Việt	YTB025177	1	22.00	1.0	23.00
1864	Nông Thị Hồng	Thắm	TND023461	2	19.25	3.5	22.75
1865	Phạm Thị Thu	Trang	YTB023039	2	21.75	1.0	22.75
1866	Phạm Hoàng	Lộc	DCN006859	2	21.75	1.0	22.75
1867	Trần Thị	Hậu	SPH005825	2	19.25	3.5	22.75
1868	Nguyễn Thị Kim	Oanh	HHA010791	2	22.25	0.5	22.75
1869	Nguyễn Thanh	Tuấn	TND027906	2	19.25	3.5	22.75
1870	Triệu Văn	Kiểm	TTN008874	2	19.25	3.5	22.75
1871	Hà Kiều	Ly	THV008266	2	19.25	3.5	22.75
1872	Bùi Thị	Hà	HDT006522	2	19.25	3.5	22.75
1873	Bùi Thị	Quỳnh	HDT020940	2	21.75	1.0	22.75
1874	Lù Ti	Hình	THV004692	2	19.25	3.5	22.75
1875	Phạm Văn	Long	YTB013481	2	21.75	1.0	22.75
1876	Phùng Thị Mỹ	Linh	THV007723	2	21.25	1.5	22.75
1877	La Phương	Thắm	TND023432	2	19.25	3.5	22.75
1878	Lâm Thị ánh	Phương	SPH013630	2	19.25	3.5	22.75
1879	Phạm Thị Thuỷ	Chung	HHA001747	2	22.25	0.5	22.75
1880	Nông Thị	Hường	TND012222	2	19.25	3.5	22.75
1881	Nguyễn Thị Bích	Phương	THV010635	1	21.25	1.5	22.75
1882	Tần Xoang	Lồng	THV008077	1	19.25	3.5	22.75
1883	Nguyễn Thị	Linh	TND014493	1	19.25	3.5	22.75
1884	Ngôn Nguyệt	ánh	TND001341	1	19.25	3.5	22.75
1885	Trần Văn	Tuấn	TND028031	1	19.25	3.5	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1886	Ma Thị	Hằng	TND007339	1	19.25	3.5	22.75
1887	Nguyễn Văn	Quốc	KHA008302	1	21.75	1.0	22.75
1888	Doãn Thị Lâm	Phương	TDV023739	1	21.25	1.5	22.75
1889	Nguyễn Thị	Loan	TQU003318	1	19.25	3.5	22.75
1890	Lê Thị Minh	Hiếu	SPH006258	1	21.25	1.5	22.75
1891	Nguyễn Bá	Huỳnh	TND011482	1	19.25	3.5	22.75
1892	Trương Thị Thùy	Linh	TQU003285	1	21.25	1.5	22.75
1893	Lê Văn	Anh	LNH000286	1	19.25	3.5	22.75
1894	Hoàng Văn	Huy	HDT010997	1	20.25	2.5	22.75
1895	Phạm Thị Thanh	Xuân	YTB025550	1	21.75	1.0	22.75
1896	Phạm Thị	Nga	HDT017511	1	19.25	3.5	22.75
1897	Quách Thị	Oanh	TLA010689	1	22.25	0.5	22.75
1898	Nông Đức	Hoàng	TQU002085	1	19.25	3.5	22.75
1899	Nguyễn Thị	ánh	TQU000284	1	21.25	1.5	22.75
1900	Phan Ngọc	Tiến	SPH017047	1	22.75		22.75
1901	Vũ Thanh	Huyền	TQU002524	1	21.25	1.5	22.75
1902	Phạm Như	Quỳnh	YTB018403	1	22.25	0.5	22.75
1903	Hoàng Văn	Sang	TND021309	1	19.25	3.5	22.75
1904	Nguyễn Đức	Dung	THV002071	1	22.25	0.5	22.75
1905	Nguyễn Thị	Hảo	TND007179	1	19.25	3.5	22.75
1906	Chu Thị	Phượng	TND020152	1	21.75	1.0	22.75
1907	Lê Thị	Bích	THP001260	1	22.25	0.5	22.75
1908	Hoàng Thị Diệu	Linh	TDV016447	1	21.75	1.0	22.75
1909	Lê Thị	Long	HDT015242	1	21.75	1.0	22.75
1910	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	LNH010519	1	22.25	0.5	22.75
1911	Bùi Thị Hồng	Nhung	TND018759	1	21.25	1.5	22.75
1912	Vũ Thị Phương	Anh	THP000966	1	21.75	1.0	22.75
1913	Đinh Thị Kim	Xuyến	TND029851	1	19.25	3.5	22.75
1914	Hoàng Văn	Nhật	YTB016209	1	21.75	1.0	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1915	Nguyễn Thị	Chang	TTB000488	1	21.25	1.5	22.75
1916	Nguyễn Thị	Diễm	HHA002024	1	21.25	1.5	22.75
1917	Chu Thị Lan	Hương	TND011680	1	21.25	1.5	22.75
1918	Hà Hải	Yến	LNH010962	1	19.25	3.5	22.75
1919	Trần Thị Phương	Thúy	TDV030753	1	22.25	0.5	22.75
1920	Hoàng Thu	Lệ	TND013684	2	19.00	3.5	22.50
1921	Hà Mỹ	Linh	TQU003095	2	21.00	1.5	22.50
1922	Trần Quang	Anh	TDV001443	2	21.00	1.5	22.50
1923	Nguyễn Thị	Lan	TQU002930	2	21.00	1.5	22.50
1924	Phạm Thị	Lan	HVN005564	2	21.50	1.0	22.50
1925	Nguyễn Thanh	Hằng	TLA004637	2	22.00	0.5	22.50
1926	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	TDV034332	2	22.00	0.5	22.50
1927	Đỗ Thị	Huyền	THP006441	2	21.50	1.0	22.50
1928	Hoàng Thị	Ước	HDT029397	2	21.00	1.5	22.50
1929	Phạm Đình	Phong	HDT019451	2	21.00	1.5	22.50
1930	Lầu Thị	Bình	TND001846	2	19.00	3.5	22.50
1931	Tô Thị Quỳnh	Anh	HHA000885	1	22.00	0.5	22.50
1932	Vũ Thị Ngọc	ánh	KHA000862	1	21.50	1.0	22.50
1933	Vũ Thị	Thu	BKA012568	1	21.50	1.0	22.50
1934	Ma Thị Hồng	Nhung	TND018890	1	19.00	3.5	22.50
1935	Nông Thị Hải	Yến	TND030108	1	19.00	3.5	22.50
1936	Triệu Thị	Ngoan	TND017832	1	19.00	3.5	22.50
1937	Nguyễn Thị	Tâm	TQU004873	1	21.00	1.5	22.50
1938	Điền Thị Thu	Thủy	HDT024874	1	21.00	1.5	22.50
1939	Lương Thị	Thủy	HHA013760	1	22.00	0.5	22.50
1940	Lê Thị	Hoài	YTB008498	1	21.50	1.0	22.50
1941	Nguyễn Thị Kim	Ly	DCN007036	1	21.00	1.5	22.50
1942	Nguyễn Thanh	Hiền	HHA004637	1	22.00	0.5	22.50
1943	Đàm Ngọc	Linh	DCN006219	1	22.00	0.5	22.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1944	Trịnh Thị	Hà	HDT007011	1	21.00	1.5	22.50
1945	Phan Kim	Hoàn	THV004952	1	21.00	1.5	22.50
1946	Dư Thanh Hoàng	Tuấn	HDT028086	1	22.00	0.5	22.50
1947	Chu Lệ	Giang	TND005774	1	19.00	3.5	22.50
1948	Lương Thị	Phường	TND020146	1	19.00	3.5	22.50
1949	Giàng Thị	Che	TTB000535	1	19.00	3.5	22.50
1950	Nguyễn Thị Huyền	Trang	HDT026759	1	22.00	0.5	22.50
1951	Nguyễn Minh	Thùy	LNH009126	1	19.00	3.5	22.50
1952	Vương Thị	Lan	TQU002948	1	19.00	3.5	22.50
1953	Nguyễn Thị Khánh	Ngân	SPH012300	1	22.00	0.5	22.50
1954	Nguyễn Mai	Phương	TQU004341	1	21.00	1.5	22.50
1955	Đặng Thị	Lan	TND013234	1	19.00	3.5	22.50
1956	Nông Cao	Định	TTN003809	1	19.00	3.5	22.50
1957	Võ Thị Hồng	Thắm	TDV028661	1	21.00	1.5	22.50
1958	Lò Thị Mỹ	Uyên	TTB007358	1	19.00	3.5	22.50
1959	Nông Thị Bích	Thảo	TND023242	1	19.00	3.5	22.50
1960	Nguyễn Thu	Hà	SPH004954	1	21.50	1.0	22.50
1961	Trần Thị Như	Quỳnh	TDV025653	2	21.25	1.0	22.25
1962	Trịnh Hà	Mi	HDT016427	2	21.25	1.0	22.25
1963	Nguyễn Phương	Ngân	DCN007939	2	21.75	0.5	22.25
1964	Phạm Thị Tâm	Trang	HDT027044	2	21.75	0.5	22.25
1965	Hàn Công	Thành	HDT022714	1	21.25	1.0	22.25
1966	Nguyễn Linh	Lộc	TND015222	1	20.75	1.5	22.25
1967	Bùi Thị Huyền	Trang	TDV032021	1	21.25	1.0	22.25
1968	Nguyễn Thị	Nga	TDV020522	1	21.25	1.0	22.25
1969	Hoàng Thị Hương	Giang	TND005831	1	18.75	3.5	22.25
1970	Hoàng Thị	Nụ	YTB016677	1	21.25	1.0	22.25
1971	Nông Thị	Huyền	TQU002400	1	18.75	3.5	22.25
1972	Trương Thị	Vân	TLA015511	1	21.25	1.0	22.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1973	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HHA010122	1	20.75	1.5	22.25
1974	Dương Thị	Bình	TDV002454	1	20.75	1.5	22.25
1975	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010119	1	21.25	1.0	22.25
1976	Đinh Thị Nhật	Lê	KHA005420	1	21.25	1.0	22.25
1977	Bùi Ngọc Hùng	Đức	TDV006510	1	21.25	1.0	22.25
1978	Dương Văn	Bảo	TND001530	1	21.75	0.5	22.25
1979	Vũ Thị	Phượng	TND020139	1	20.75	1.5	22.25
1980	Triệu Thị Thu	Trang	TND026717	1	18.75	3.5	22.25
1981	Bùi Thị Huyền	Trang	HDT026169	1	21.25	1.0	22.25
1982	Nguyễn Thị	Tươi	KQH015892	1	21.25	1.0	22.25
1983	Nguyễn Thiện	Trường	SPH018247	1	21.75	0.5	22.25
1984	Nguyễn Thị	Trang	TDV032806	1	21.75	0.5	22.25
1985	Khổng Thị	Thơ	SPH016235	1	21.25	1.0	22.25
1986	Lê Thị	Bình	TDV002490	1	20.75	1.5	22.25
1987	Đỗ Thị Thu	Hà	KHA002730	1	22.25		22.25
1988	Nguyễn Thanh	Tùng	TND028287	1	21.75	0.5	22.25
1989	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	LNH003170	1	21.75	0.5	22.25
1990	Dào Thu	Hương	TND011684	1	18.75	3.5	22.25
1991	Triệu Thị	Oanh	HDT019308	1	18.75	3.5	22.25
1992	Trần Thị Hương	Ly	TQU003487	1	20.75	1.5	22.25
1993	Hồ Thị	Phượng	TDV024242	1	21.25	1.0	22.25
1994	Bạch Linh	Chiều	LNH001057	1	18.75	3.5	22.25
1995	Bùi Thị	Lụa	LNH005706	1	18.75	3.5	22.25
1996	Giàng Thị	Mây	TTB003961	1	18.75	3.5	22.25
1997	Nguyễn Quang	Anh	TLA000763	1	22.25		22.25
1998	Nguyễn Anh	Tiến	TND025564	1	20.75	1.5	22.25
1999	Nông Thảo	Lam	TND013196	1	18.75	3.5	22.25
2000	Vũ Thị Thu	Hương	TTN008375	1	20.75	1.5	22.25
2001	Trương Thị	Xinh	HDT030143	1	18.75	3.5	22.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
2002	Hoàng Thị	Lưỡng	TQU003434	1	18.75	3.5	22.25
2003	Sùng Seo	Vảng	THV015071	1	18.75	3.5	22.25
2004	Triệu Đức	Hương	TND012030	1	18.75	3.5	22.25
2005	Lã Thị	Nam	HHA009515	1	20.75	1.5	22.25
2006	Phó Văn	Trần	SPH017934	2	18.50	3.5	22.00
2007	Nguyễn Văn	Phong	TND019563	2	20.50	1.5	22.00
2008	Dương Thị Thu	Hương	THV006114	2	20.50	1.5	22.00
2009	Nguyễn Tiến	Linh	TDV017030	2	20.50	1.5	22.00
2010	Đình Thị	Hương	TND011720	2	20.50	1.5	22.00
2011	Ngô Thủy	Vy	HHA016421	2	22.00		22.00
2012	Lưu Thị	Thoa	TND024098	2	18.50	3.5	22.00
2013	Bùi Thị	Nhung	HDT018633	2	20.50	1.5	22.00
2014	Cao Thị	Phượng	DCN009008	2	21.00	1.0	22.00
2015	Hà Thị	Hằng	THV004010	1	20.50	1.5	22.00
2016	Phan Thành	Nghệ	KQH009725	1	21.50	0.5	22.00
2017	Trương Phương	Nam	TND017216	1	18.50	3.5	22.00
2018	Đào Thị Hà	My	TQU003657	1	20.50	1.5	22.00
2019	Lê Việt	Hoàng	TLA005555	1	22.00		22.00
2020	Hà Thị	Trà	TND025944	1	18.50	3.5	22.00
2021	Phạm Thị	Linh	TDV017172	1	21.00	1.0	22.00
2022	Lê Thị Kiều	Oanh	HDT019209	1	18.50	3.5	22.00
2023	Lê Thị Thuỳ	Linh	KQH007818	1	21.50	0.5	22.00
2024	Trần Thị Thảo	Nguyên	TND018282	1	20.50	1.5	22.00
2025	Hoàng Thị	Thiệp	TND023910	1	18.50	3.5	22.00
2026	Nguyễn Thị	Nhẫn	TTB004514	1	18.50	3.5	22.00
2027	Hà Duy	Khánh	LNH004763	1	18.50	3.5	22.00
2028	Dương Thị Tuyết	Chinh	LNH001066	1	20.50	1.5	22.00
2029	Hoàng Khánh	Linh	HVN005827	1	21.50	0.5	22.00
2030	Lê Thị	Loan	LNH005546	1	21.50	0.5	22.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
2031	Lê Ngọc	Mai	THV008390	1	20.50	1.5	22.00
2032	Lê Thị Mỹ	Linh	TLA007817	1	21.00	1.0	22.00
2033	Đào Thị Minh	Anh	TTB000065	1	20.50	1.5	22.00
2034	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	THV009156	1	20.50	1.5	22.00
2035	Đặng Hiền	Lương	KHA006255	1	21.00	1.0	22.00
2036	Nguyễn Đức	Doanh	TND003591	1	18.50	3.5	22.00
2037	Diệp Thành	Hạnh	TND006863	1	18.50	3.5	22.00
2038	Lương Võ	Khánh	TND012565	1	18.50	3.5	22.00
2039	Bùi Phương	Yên	HDT030273	1	18.50	3.5	22.00
2040	Lê Thị Trà	Mi	HDT016421	1	20.50	1.5	22.00
2041	Nguyễn Văn	Biên	HVN000954	1	21.00	1.0	22.00
2042	Đoàn Thị Minh	Phương	YTB017207	1	21.50	0.5	22.00
2043	Lê Thị	Trang	HDT026594	1	21.00	1.0	22.00
2044	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009707	1	22.00		22.00
2045	Ma Hải	Giang	TND005870	1	18.50	3.5	22.00
2046	Hoàng Thị	Hiền	THV004279	1	18.50	3.5	22.00
2047	Nguyễn Thị Kiều	Trang	TTB006792	1	20.50	1.5	22.00
2048	Hoàng Thị	Oanh	TND019306	1	20.50	1.5	22.00
2049	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001202	1	21.00	1.0	22.00
2050	Đào Thị	Huyền	LNH004171	1	21.50	0.5	22.00
2051	Mã Thị	Huyền	TND010945	1	18.50	3.5	22.00
2052	Bùi Ngọc	Huyền	LNH004127	1	18.50	3.5	22.00
2053	Vũ Thị	Ly	SPH010893	1	20.50	1.5	22.00
2054	Hoàng Thị Hải	Yến	SPH019797	1	21.50	0.5	22.00
2055	Vì Thị Thanh	Lan	HHA007549	1	20.50	1.5	22.00
2056	Vũ Thị Anh	Đào	DCN002239	1	21.00	1.0	22.00
2057	Hà Thị	Nhiên	TQU004074	2	20.25	1.5	21.75
2058	Trần Thị Thu	Uyên	TQU006376	2	20.25	1.5	21.75
2059	Nguyễn Thị	Thảo	HDT023324	1	20.25	1.5	21.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
2060	Nguyễn Công	Quý	THP012121	1	20.75	1.0	21.75
2061	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	TDV030386	1	21.25	0.5	21.75
2062	Từ Thị	Tuyến	TND028583	1	18.25	3.5	21.75
2063	Ngô Văn	Thuận	TND024534	1	18.25	3.5	21.75
2064	Trần Thị Hồng	Chinh	DCN001295	1	19.25	2.5	21.75
2065	Nguyễn Thanh	Tâm	TND022112	1	18.25	3.5	21.75
2066	Trần Thị Quỳnh	Hoa	YTB008328	1	20.75	1.0	21.75
2067	Trần Thị	Luyến	TQU003413	1	18.25	3.5	21.75
2068	Phan Thị	Phương	TND020040	1	20.25	1.5	21.75
2069	Đào Thị Phương	Anh	THP000204	1	21.25	0.5	21.75
2070	Đặng Hải	Yến	TQU006604	1	20.25	1.5	21.75
2071	Nguyễn Thị	Thảo	THP013415	1	20.75	1.0	21.75
2072	Lê Thu	Thủy	THV013026	1	20.25	1.5	21.75
2073	Đặng Mùi	Mui	TND016739	1	18.25	3.5	21.75
2074	Hoàng Thị	Tâm	TND022051	1	18.25	3.5	21.75
2075	Lìm Thị	Luyến	THV008152	1	18.25	3.5	21.75
2076	Lô Kiều	Ngân	TND017565	1	18.25	3.5	21.75
2077	Nông Sầm Thị	Hạnh	TND007025	1	18.25	3.5	21.75
2078	Phạm Viết	Khởi	THP007553	1	21.25	0.5	21.75
2079	Lê Thị	Trang	TLA013996	2	20.50	1.0	21.50
2080	Nguyễn Thị Hồng	Nga	TND017359	2	18.00	3.5	21.50
2081	Đào Bích	Ngọc	THV009420	2	18.00	3.5	21.50
2082	Trần Thị	Mơ	KQH009174	2	21.00	0.5	21.50
2083	Nguyễn Thị	Lan	TDV015628	2	20.00	1.5	21.50
2084	Đàm Văn	Minh	TQU003599	2	20.00	1.5	21.50
2085	Mào Thị	Duyên	TTB001293	2	18.00	3.5	21.50
2086	Lý Thị	Quỳnh	THV011098	1	18.00	3.5	21.50
2087	Trịnh Thị Vân	Anh	HDT001630	1	20.00	1.5	21.50
2088	Triệu Thị	Huyền	TQU002506	1	18.00	3.5	21.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
2089	Chu Thị	Nhung	TND018767	1	18.00	3.5	21.50
2090	Bùi Anh	Tuấn	LNH010243	1	20.00	1.5	21.50
2091	Nguyễn Mỹ	Hạnh	KHA003083	1	20.50	1.0	21.50
2092	Vàng Thị	Chăm	THV001185	1	18.00	3.5	21.50
2093	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017612	1	20.50	1.0	21.50
2094	Trần Quốc	Khoa	TDV015108	1	20.00	1.5	21.50
2095	Đỗ Minh	Sỹ	TQU004831	1	18.00	3.5	21.50
2096	Hoàng Phương	Bắc	TTB000353	1	18.00	3.5	21.50
2097	Trần Thị	Nhâm	HDT018444	1	20.00	1.5	21.50
2098	Nguyễn Thị	Hường	KQH006891	1	21.00	0.5	21.50
2099	Nguyễn Văn	Đạt	THP003039	1	20.50	1.0	21.50
2100	Phạm Thị	Diện	HDT003593	1	20.50	1.0	21.50
2101	Vũ Thị Phương	Dung	TTB001183	1	20.00	1.5	21.50
2102	Triệu Thị Thu	Hà	TQU001448	1	20.00	1.5	21.50
2103	Lương Thị Ngân	Hồng	SPH007009	1	21.50		21.50
2104	Nguyễn Đình	Chiều	TTB000609	1	20.00	1.5	21.50
2105	Lường Thị	Linh	TND014288	1	18.00	3.5	21.50
2106	Nguyễn Thị	Ngọc	HVN007495	1	20.50	1.0	21.50
2107	Nguyễn Thúy	Nga	HHA009760	1	20.00	1.5	21.50
2108	Nguyễn Viết	Dũng	THV002252	1	20.00	1.5	21.50
2109	Ngô Văn	Tĩnh	THV013504	1	18.00	3.5	21.50
2110	Nguyễn Thị	Tuyết	HDT029103	1	18.00	3.5	21.50
2111	Nguyễn Khắc	Toàn	HDT025991	2	20.25	1.0	21.25
2112	Bế Ngọc	Hải	TND006560	2	17.75	3.5	21.25
2113	Hoàng Văn	Hữu	TND012348	2	17.75	3.5	21.25
2114	Đình Kiều	Anh	TND000234	2	17.75	3.5	21.25
2115	Đỗ Thùy	Dương	HDT004765	2	19.75	1.5	21.25
2116	Vũ Văn	Tĩnh	HHA014243	2	20.75	0.5	21.25
2117	Tòng Thị	Thanh	TTB005701	2	17.75	3.5	21.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
2118	Nguyễn Đức	Hảo	DCN003306	1	20.75	0.5	21.25
2119	Lê Thị	Hảo	HDT007685	1	20.25	1.0	21.25
2120	Vi Thị	Thao	TND022768	1	17.75	3.5	21.25
2121	Nông Thị	Nhung	TND018993	1	17.75	3.5	21.25
2122	Hà Kiều	Ngân	TND017539	1	17.75	3.5	21.25
2123	Nguyễn Thị	Mai	LNH005950	1	20.75	0.5	21.25
2124	Đỗ Phương	Linh	HDT013811	1	19.75	1.5	21.25
2125	Lê Văn	Đức	HDT005906	1	20.25	1.0	21.25
2126	Trần Thị	Huyền	HDT011658	1	20.25	1.0	21.25
2127	Lê Mạnh	Cường	SPH002799	1	21.25		21.25
2128	Hoàng Khánh	Lâm	TQU002959	1	17.75	3.5	21.25
2129	Phạm Anh	Tuấn	TND027979	1	20.25	1.0	21.25
2130	Nguyễn Văn	Khởi	TND012782	1	19.75	1.5	21.25
2131	Phan Thị Thanh	Nhàn	TDV021838	1	20.75	0.5	21.25
2132	Ngô Châu	Giang	TQU001311	2	19.50	1.5	21.00
2133	Giàng A	Minh	TTB003997	1	17.50	3.5	21.00
2134	Phạm Thị	Bến	HDT002070	1	19.50	1.5	21.00
2135	Hoàng Thị	Hoàn	TND009279	1	17.50	3.5	21.00
2136	Lê Mạnh	Tuấn	THV014537	1	20.00	1.0	21.00
2137	Nông Thị Thu	Trà	TND025976	1	17.50	3.5	21.00
2138	Tô Lan	Hương	THV006312	1	19.50	1.5	21.00
2139	Đào Thị Thu	Thủy	SPH016538	1	20.00	1.0	21.00
2140	Nguyễn Văn	Tâm	TLA012075	1	20.00	1.0	21.00
2141	Lò Thị	Thuận	TTB006312	1	17.50	3.5	21.00
2142	Nguyễn Thị	Trang	THP015240	1	20.00	1.0	21.00
2143	Phương Thị	Xanh	TND029725	1	17.50	3.5	21.00
2144	Lê Thị Thu	Thảo	TTB005864	1	19.50	1.5	21.00
2145	Trịnh Minh	Nghĩa	THV009363	1	17.50	3.5	21.00
2146	Vàng Seo	Hài	THV003665	1	17.50	3.5	21.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
2147	Giàng A	Cu	TTB000851	1	17.50	3.5	21.00
2148	Lò Thị	Hoài	TTB002407	1	17.50	3.5	21.00
2149	Hoàng Thị Kim	Uyên	TQU006362	1	17.50	3.5	21.00
2150	Vũ Thành	Duy	TND004268	2	19.25	1.5	20.75
2151	Trần Đăng	Sỹ	YTB018898	2	19.75	1.0	20.75
2152	Lý Thị Ngọc	ánh	TQU000274	2	19.25	1.5	20.75
2153	Dương Thị	Cúc	TQU000628	1	17.25	3.5	20.75
2154	Lê Thị	Huyền	YTB009944	1	19.75	1.0	20.75
2155	Tô Thị	Hoa	HDT009330	1	19.75	1.0	20.75
2156	Nguyễn Thị	Thảo	NLS011419	1	19.25	1.5	20.75
2157	Tao Văn	Dọt	THV001991	1	17.25	3.5	20.75
2158	Nguyễn Đức	Tú	DCN012387	1	20.25	0.5	20.75
2159	Nguyễn Yến	Nhi	HHA010474	1	20.25	0.5	20.75
2160	Lê Thị	Sơn	HDT021668	1	19.25	1.5	20.75
2161	Hoàng Thúy	Quỳnh	TDV025377	2	19.50	1.0	20.50
2162	Nguyễn Thị Hoa	Mai	THV008419	2	19.00	1.5	20.50
2163	Trần Thị Bích	Phượng	BKA010628	1	20.00	0.5	20.50
2164	Hà Thị	Linh	TQU003099	1	17.00	3.5	20.50
2165	Vi Thị	Hiền	TQU001751	1	19.00	1.5	20.50
2166	Sùng A	Tá	TTB005495	1	17.00	3.5	20.50
2167	Nông Thành	Vinh	THV015293	1	17.00	3.5	20.50
2168	Hoàng Thế	Ngọc	HHA010066	1	20.00	0.5	20.50
2169	Thân Thị Diệu	Linh	TND014731	1	18.75	1.5	20.25
2170	Đinh Thị Hồng	Thanh	HHA012419	1	19.75	0.5	20.25
2171	Nguyễn Kiều	Anh	TDV000800	1	19.25	1.0	20.25
2172	Hồ Đình	Uy	TDV035488	2	19.00	1.0	20.00
2173	Nguyễn Thị	Nga	TQU003794	1	16.50	3.5	20.00
2174	Nguyễn Thị	Mai	TND016007	1	18.50	1.5	20.00
2175	Giàng Thị	Dinh	THV001961	1	16.50	3.5	20.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
2176	Hà Thị	Huyền	TND011064	1	16.50	3.5	20.00
2177	Lục Thị Quỳnh	Ngọc	TND017957	1	16.50	3.5	20.00
2178	Nguyễn Đình	Hải	TND006673	1	16.25	3.5	19.75
2179	Bàn Thị	Dung	TND003637	1	16.25	3.5	19.75
2180	Võ Thị Mai	Oanh	TDV023168	1	18.75	1.0	19.75
2181	Phan Thanh	Lịch	TND013784	1	16.00	3.5	19.50
2182	Nguyễn Quang	Sơn	TTB005416	1	18.00	1.5	19.50
2183	Hoàng Thị	Mây	TQU003574	1	16.00	3.5	19.50
2184	Hoàng Quốc	Việt	YTB025121	1	18.50	1.0	19.50
2185	Triệu Thị	Hạnh	TND007069	1	15.75	3.5	19.25
2186	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008759	1	17.75	1.5	19.25
2187	Nguyễn Thị	Sen	DHU019430	1	18.25	1.0	19.25
2188	Vũ Thị	ánh	TND001455	4	17.00	1.5	19.00
2189	Đinh Thị Thu	Thảo	THV012126	1	17.50	1.5	19.00
2190	Lương Thị Thanh	Tuyền	TND028474	1	15.50	3.5	19.00
2191	Bàn Văn	Dũng	TTB001186	1	15.50	3.5	19.00
2192	Lục Thị	Tâm	TND022059	1	15.25	3.5	18.75
2193	Nguyễn Thị	Trang	THV013904	1	17.25	1.5	18.75
2194	Trương Đức	Quý	LNH007630	2	15.00	3.5	18.50
2195	Phạm Ngọc	Hoa	TQU001935	1	17.00	1.5	18.50
2196	Lò Minh	Tiến	TTB006573	1	15.00	3.5	18.50
2197	Nguyễn Thị Bích	Phương	THV010491	1	17.00	1.5	18.50
2198	Đỗ Văn	Hiếu	THV004510	1	17.00	1.5	18.50
2199	Phạm Thị	Thanh	THP013075	1	18.00	0.5	18.50
2200	Nguyễn Văn	Hoàng	KHA004037	1	17.75	0.5	18.25
2201	Nguyễn Lâm	Anh	TND000654	1	16.75	1.5	18.25
2202	Trần Thị Minh	Nguyệt	TTN013012	1	16.50	1.5	18.00
2203	Vũ Thị	Huyền	YTB010311	1	17.00	1.0	18.00
2204	Lê Trung	Kiên	THV006740	1	15.50	2.5	18.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 12/08/2015

Trang 77

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
2205	Hoàng Minh	Anh	YTB000411	1	16.75	1.0	17.75
2206	Phạm Thị	Hằng	HHA004422	1	17.25	0.5	17.75
2207	Nguyễn Việt	Tiến	KQH014099	1	17.00	0.5	17.50
2208	Lã Thị Minh	Ngọc	KHA007209	1	16.75	0.5	17.25
2209	Khổng Thị	Yến	HHA016534	1	16.75	0.5	17.25
2210	Lưu Khánh	Huyền	TQU002442	1	15.25	1.5	16.75
2211	Hoàng Thị	Luyến	THV008150	1	15.25	1.5	16.75
2212	Ngô Thế	Quỳnh	SPH014503	1	16.25	0.5	16.75
2213	Hoàng Thanh	Tài	TTB005499	1	15.00	1.5	16.50
2214	Cao Thị	Hoàn	HDT009682	1	15.00	1.5	16.50
2215	Lê Hồng	Sơn	LNH007926	2	15.00	0.5	15.50
2216	Đinh Thị	Ngọc	HDT017887	1	14.50	1.0	15.50
2217	Hoàng Tiến	Dũng	THV002193	1	11.75	3.5	15.25
2218	Nguyễn Hà	Trang	TTB006777	1	13.50	1.5	15.00
2219	Triệu Trung	Vĩnh	TND029463	1	11.50	3.5	15.00
2220	Lò Văn	Thanh	TTB005679	1	11.50	3.5	15.00

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU